

**Công bố giá vật liệu xây dựng tháng 4 năm 2024
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ủy quyền công bố giá vật liệu xây dựng; đơn giá nhân công xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành quy định giá cước vận tải hàng hóa bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Trên cơ sở văn bản cung cấp giá vật liệu xây dựng của UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; báo giá vật liệu xây dựng của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, các đại lý phân phối các cấp trong và ngoài tỉnh; Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng tháng 4 năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

1. Về nguồn thông tin, xác định giá vật liệu xây dựng

- Giá vật liệu xây dựng do UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc cung cấp để công bố tại Phụ lục 1.

- Thông tin báo giá vật liệu xây dựng do các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh cung cấp để công bố tại Phụ lục 2.

- Thông tin báo giá vật liệu xây dựng do các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng ngoài tỉnh cung cấp để công bố tại Phụ lục 3.

2. Một số nội dung lưu ý khi xác định giá vật liệu xây dựng

a) Về giá vật liệu xây dựng:

- Giá các loại vật liệu xây dựng tại các Phụ lục kèm theo Công bố này là cơ sở để xác định giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình được thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá lựa chọn trên cơ sở tham khảo các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo hướng dẫn tại điểm b mục 1.2.1.1 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 được sửa đổi, bổ sung tại Mục 3 Phụ lục kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023. Việc lựa chọn giá vật liệu xây dựng phải khách quan, minh bạch, đảm bảo hiệu quả của dự án.

- Khuyến khích lựa chọn vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng và xác định chi phí đầu tư xây dựng cho công trình, dự án nhưng phải đảm bảo hiệu quả đầu tư và đáp ứng yêu cầu của dự án.

- Trường hợp dự án có yêu cầu phải sử dụng vật liệu xây dựng đặc thù, không phổ biến trên thị trường, hoặc sử dụng vật liệu nhập khẩu thì phải thuyết minh cụ thể trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thuyết minh thiết kế xây dựng.

- Các tiêu chí cần đánh giá, xem xét khi lựa chọn giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình theo hướng dẫn tại điểm a mục 1.2.1.1 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 được sửa đổi, bổ sung tại Mục 3 Phụ lục kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023.

- Tùy thuộc các điều kiện cụ thể của dự án, công trình liên quan đến yêu cầu về vật liệu xây dựng, các tổ chức và cá nhân lựa chọn xác định giá vật liệu xây dựng theo nguyên tắc lựa chọn giá phù hợp nhất đáp ứng các tiêu chí nêu trên khi trình/thẩm định trên cơ sở các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, hiệu quả.

b) Phương pháp xác định giá vật liệu đến hiện trường công trình thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1.2.1.2 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

3. Tổ chức thực hiện.

a) Phòng Kinh tế, Vật liệu xây dựng, Quản lý nhà và Thị trường bất động sản có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Sở đăng tải công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng tại địa chỉ <http://sxd.lamdong.gov.vn/> (**mục Kinh tế VLXD Quản lý nhà TTBDS/Giá Xây dựng**) và gửi kết quả về Bộ Xây dựng, UBND tỉnh để theo dõi, quản lý theo quy định.

- Tiếp nhận các ý kiến phản ánh của các tổ chức, cá nhân có liên quan, tổng hợp báo cáo đề xuất Ban Giám đốc xem xét, chỉ đạo xử lý.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ công bố này là cơ sở để xác định giá xây dựng các dự án, công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây là dự án PPP); đối với các dự án sử dụng vốn khác tham khảo, sử dụng để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ; khi xác định giá xây dựng công trình phải được tính đúng, tính đủ theo từng dự án, công trình, gói thầu xây dựng phù hợp với yêu cầu thiết kế, điều kiện xây dựng và mặt bằng giá thị trường.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có văn bản gửi về Sở Xây dựng hoặc liên hệ trực tiếp qua số điện thoại 0263.3821.469 – Phòng KTVLXDQLN&TTBDS để được xem xét, hướng dẫn theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Kho Bạc NN tỉnh Lâm Đồng;
- Các sở : KH&ĐT, TC, GTVT, NN&PTNT, CT;
- UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc;
- Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng;
- Ban QLDA ĐTXD &CTCC các huyện;
- Ban QLDA ĐTXD thành phố Bảo Lộc;
- Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thành phố Đà Lạt;
- Ban GD Sở;
- Các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở;
- Văn phòng Sở (để đăng tải công thông tin điện tử);
- Lưu: VT, KTXD.

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Trung

[illegible]

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tỷ lệ chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhãn mác xuất xứ	Xuất xứ	Đơn vị cung cấp	Vào công trình	GHI CHÚ	Giá trị (VNĐ) theo bảng giá tại địa phương											
											Mô Lợi	Lợi Doanh	Ban Doanh	Đặc Truợng	Lãi Lãi	Ban Bán	Bí Lành	Nhà Lợi	Mã Lãi	Dự Dự	Dự Dự	Các Tiêu
		Cát xây: 01	m³	Không có thông tin						TP Hồ Chí Minh: Cát xây loại 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100.	150.000	150.000	470.000	590.000	500.000	570.000	480.000	520.000	980.000	150.000	740.000	350.000
		Cát dãi:	m³	Không có thông tin						TP Hồ Chí Minh: Cát dãi loại 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100.	570.000	470.000	530.000	500.000	460.000	480.000		350.000	310.000			
		Cát đen (trên lớp)	m³	Không có thông tin						TP Hồ Chí Minh: Cát đen (trên lớp) loại 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100.		360.000			360.000							
		Cát nghiền	m³	Không có thông tin						TP Hồ Chí Minh: Cát nghiền loại 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100.			350.000	360.000								
TH	GẠCH XÂY CÁC LOẠI																					
	Gạch Tẩy trắng																					
	Gạch ống 6 lỗ tròn	viên	Không có thông tin	(17,5x18,5x7,5) cm							2.000	2.080	1.800		1.700		1.790	1.790		1.700		
	Gạch ống 6 lỗ vuông	viên	Không có thông tin	(17,5x18,5x7,5) cm									1.800	2.000		1.300						

[illegible]

[illegible]

STT	Mã sản phẩm	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Mã chuẩn kỹ thuật	Quy trình	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Phương pháp thử nghiệm	Vật chuyển	GHI CHÚ	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)											
											Đã Lọt	Loại Đường	Đầu Đường	Đầu Trống	Lưu Hạ	Đầu Bông	Bộ Linh	Bao Lốp	Bao Lốp	Bộ Bơm	Bộ Tép	Cột Tép
		Thép dây vôi 022	cây	01	022 mm CB 400V - SD390													734.000				
		Thép PONTON																				
		Thép cuộn 06	kg	TCVN 1834- 1:2008	06 mm CB240T						17.500	17.800	18.400	17.000	20.000	18.500	18.500	18.800				
		Thép cuộn 08	kg	01	08 mm CB240T						17.500	17.000	18.400	17.000	20.000	18.500	18.500	18.800				
		Thép dây vôi 010	cây	01	010 mm CB240T						123.000	122.000	104.000	103.000	113.000	113.000	108.000					
		Thép dây vôi 012	cây	01	012 mm CB 400V - SD390						175.000	172.000	110.000	105.000	173.000	180.000	180.000					
		Thép dây vôi 014	cây	01	014 mm CB 400V - SD390						340.000	336.000	220.000	228.000	240.000	257.000	224.000					
		Thép dây vôi 016	cây	01	016 mm CB 400V - SD390						312.000	300.000	202.000	200.000	200.000	322.000	292.000					
		Thép dây vôi 018	cây	01	018 mm CB 400V - SD390						194.000	191.000	240.000	240.000	307.000	425.000	340.000					
		Thép dây vôi 020	cây	01	020 mm CB 400V - SD390						482.000	482.000	445.000	440.000		515.000	454.000					
		Thép dây vôi 022	cây	01	022 mm CB 400V - SD390							405.000	571.000	530.000		620.000	533.000					
VI	Đồ xây dựng																					
		Gỗ và kim loại - phụ phần VII - VIII	kg	Không có thông tin							4.500.000	5.900.000	4.500.000	4.000.000	5.400.000	5.900.000	4.500.000	6.200.000	4.000.000	4.400.000		

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Điểm chuẩn K5 thực*	Đơn vị tính	Số lượng	Điều kiện mua*	Vị trí thực tế*	Ghi chú*	Lịch sử mua hàng theo giá (từ giá thấp nhất)									
										Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Ngày 8	Ngày 9	Ngày 10
		Loại vật liệu mua theo mẫu có sẵn (theo yêu cầu)	m³	Không có mẫu		100	Điều kiện mua*	Vị trí thực tế*	Ghi chú*	Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Ngày 8	Ngày 9	Ngày 10
		Loại vật liệu mua theo mẫu có sẵn (theo yêu cầu)	m³	Không có mẫu		100	Điều kiện mua*	Vị trí thực tế*	Ghi chú*	Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Ngày 8	Ngày 9	Ngày 10



GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRONG TỈNH CUNG CẤP THÁNG 4/2024
(Kèm theo Văn bản số: 750 /CBQ-SXD ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Sở Xây dựng Lâm Đồng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]
I	GẠCH XÂY										
1	Gạch tay nen										
1.1	Gạch Taynen Hiệp Thành										
		Gạch 6 lỗ	viên	QCVN 16:2019/BXD	KT (7,5x11x24)cm	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho bán bán: Nhà máy Gạch Hiệp Thành: 14 Hiệp Thành, xã Tam Bá, huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng	Theo Công văn số 02/2024/CV-Cty ngày 25/01/2024 của Cty Cổ phần Khoáng sản & Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.	2,386
		Gạch góc 21 lỗ	viên		KT (7,5x11x24)cm						3,432
		Gạch 6 lỗ A	viên		KT (5x11x17,5)cm						1,636
		Gạch 6 lỗ B	viên		KT (7,5x11x17,5)cm						1,391
		Gạch 6 lỗ MA	viên		KT (7x 10x17)cm						1,474
		Gạch 4 lỗ A	viên		KT (7,5x 7,5 x17,5)cm						1,145
		Gạch 4 lỗ B	viên		KT (7,5x 7,5 x17,5)cm						973
		Gạch thẻ 2 lỗ tròn	viên		KT (7,5x4x17,5)cm						925
	Gạch Taynen Thanh Mỹ										
		Gạch ống 6 lỗ tròn	viên	QCVN 16:2019/BXD	KT (7x 10x17)cm	Công ty CP KS và VLXD Lâm Đồng	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho bán bán: Xi nghiệp gạch ngói Tuynel Thanh Mỹ, đường Trần Bình Trọng, huyện Đơn Dương, Tỉnh Lâm Đồng	Theo Công văn số 02/2024/CV-Cty ngày 25/01/2024 của Cty Cổ phần Khoáng sản & Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.	1,409
		Gạch ống 2 lỗ tròn	viên		KT (7,5x4x17,5)cm						1,009

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
2	Gạch không nung										
		Gạch bê tông M7,5	viên	QCVN 16:2019/BXD	KT (75x75x175)mm	Công ty CP Vật liệu xây dựng Gạch không nung Gia Lâm	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại Nhà máy gạch không nung Gia Lâm	Theo báo giá của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng gạch không nung Gia Lâm. Địa chỉ: Thôn 1, xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	1,600
			viên		KT (37x75x175)mm						1,170
			viên		KT (75x115x175)mm						2,350
			viên		KT (90x190x390)mm						6,800
			viên		KT (190x190x390)mm						13,500
3	Gạch terazo										
	Sản phẩm của Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Xây dựng An Lộc										
		Gạch Terazo	m2	TCVN 7744:2013	KT (300x300x30)mm	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Xây dựng An Lộc	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện của khách hàng tại Chi nhánh- Thôn 1 xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng.	Theo Công văn số 1412/A1 ngày 14/12/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH SX TM XD An Lộc (Địa điểm sản xuất: Thôn 1, xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng, Điện thoại: 0943788788).	8,600
		Gạch Terazo	m2		KT (400x400x30)mm						78,000
4	Gạch terazo, gạch block										
	Sản phẩm của Công ty cổ phần DCM Sài Gòn										
4.1	GẠCH TERRAZZO SẢN, ĐƯỜNG, VÍA HẸ,(CÔNG NGHỆ RUNG BỊNH HÌNH) - TP. TỈNH THUY LỰC)										

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện (khuong mại)	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
4.2	GẠCH CỐRÊ MÀU BÓNG MẮC CAO (CÔNG NGHỆ RUNG LƯT TRONG KHUỐN NHỰA)										
		Gạch Coric bóng, mác 250 (các màu: nâu, đỏ, xám, đen, vàng, xanh...)	m2	QCVN 16:2019/BXD	Đáy 3cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá bán tại: HCM và các tỉnh lân cận (Thôn Hòa Khánh 1, xã Nam Hòa, huyện Lâm Động và Lâm Đồng)		135,000
								-Giá đã bao gồm phí vận chuyển hoặc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mác bê tông tổng cộng 10,000vnd/đơn vị tính theo mác 250-300-350. .Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá tại 11 huyện Lâm Động tỉnh Lâm Đồng		150,000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		170,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lâm Dương		175,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		180,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		180,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		165,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		180,000
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		185,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		190,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		190,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		190,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		150,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Nguồn xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch Ceramic bóng, mác 200	m ²	QCVN 16:2019/BXD	Đầy 4cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	-Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cần vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mắc bề tổng tăng 10,000vnđ/đơn vị tính theo mác 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nguyễn Du, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xã Việt Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	165,000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		185,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		190,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		195,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Rong		195,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		180,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		195,000
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		200,000
		Gạch Ceramic bóng, mác 200	m ²	QCVN 16:2019/BXD	Đầy 5cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		205,000
									Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		165,000
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		180,000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		200,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		205,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		210,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Rong		210,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch Ceramic bóng, mác 200	m2	QCVN 16:2019/BXD	Dày 5cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	-Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mács: bê tông tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mác 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng.	Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng) Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Rông Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm	Công Ty Cổ Phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 80/1A, P.Nguyễn Đức, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xã Việt Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	125,000 210,000 215,000 220,000 180,000 195,000 215,000 220,000 225,000 225,000 210,000 225,000 230,000 235,000
		Gạch Ceramic bóng, mác 200, dày 6cm	m2	QCVN 16:2019/BXD	Dày 6cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam				
		Gạch Ceramic bóng, mác 200, dày 6cm, màu: Nâu, đỏ, xám, đen, trắng, xanh ...	m2	QCVN 16:2019/BXD	Dày 6cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam				

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch Ceramic bóng, mác 200, dày 8cm, màu: Nâu, đỏ, xám, đen, vàng, xanh ...	m ²	QCVN 16:2019/BXD	Dày 8cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam		Giá tại Nhà sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		210,000
								-Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tại cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mác bê tông tầng 10,000vnd/đơn vị tính theo mác 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		225,000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xã Việt Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại: liên hệ: 093 417.8886	245,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đan Dương		250,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		255,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đan Răng		255,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		240,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		255,000
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		260,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		270,000
		Gạch bê tông Ceramic sả 8, bóng, khuôn nửa mác 200, dày 8cm	viên	QCVN 16:2019/BXD	260 x 390 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam		Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		18,000
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		20,000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		23,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đan Dương		24,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch bê tông Cortex số 8, bóng, khuôn nhựa mãc 200, dày 8cm	viên	QCVN 16:2019/BXD	260 x 390 x 80mm	Công ty cổ phần ĐCN Sài Gòn	Việt nam		Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương	Công Ty cổ phần ĐCN Sài Gòn (ĐCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đô, Q.Châu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tilly Nguyễn: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xã Việt Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		25,000
								-Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ hộc đồ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vập được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: vàng sẫm+xanh. Mãc bê tông tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mãc 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		22,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		25,000
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		26,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		27,000
		Gạch bê tông vân gỗ, vân sỏi, hạt nước mãc 250, dày 4cm.	viên	QCVN 16:2019/BXD	260 x 390 x 80mm	Công ty cổ phần ĐCN Sài Gòn	Việt nam		Giá tại NMI sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		30,000
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		32,000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		34,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		35,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		36,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		36,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		33,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		36,000
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		37,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Nguồn gốc	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch bê tông vân gỗ, vân sồi, bọt nước màu 250, dày 4cm	viên	QCVN 16:2019/BXD	260 x 390 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam		Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, Đường 800A, P.Nguyễn Đức, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xó Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	35,000
		Gạch vân gỗ ốp, lát, bậc thềm cầu thang, đường... M300, dày 4cm, gia cố sợi Carbon Fiber	viên		250 x 900 x 40 mm			-Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+ xanh. Màu bê tông tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mức 250-300-350...Giá hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		62,000
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		70,000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		75,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		79,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		80,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		80,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		73,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		80,000
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		85,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		90,000
		Gạch bê tông lát mái kê, dày 5cm, M200(chưa tính râu thép liên kết góc)	viên	QCVN 16:2019/BXD	400 x 400 x 50mm	Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	30,000				
						Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	32,000				
						Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt	35,000				

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch bê tông lát mái kê, dày 5cm, M200(chưa tính râu thép lên kết góc)	viên	QCVN 16:2019/BXD	400 x 400 x 50mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn			Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xã Việt Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	
								Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương	38,000		
								Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông	38,000		
								Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng	33,000		
								Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh	38,000		
								Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc	40,000		
								Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm	42,000		
4.3	GẠCH BLOCK XÂY DỰNG, GIA CỎ, LÁT MÁI..(CÔNG NGHỆ RUNG ÉP THỦY LỰC)										
		Gạch Block số 8 trống cỏ, gia cỏ, lát mái, kê 2 lỗ, 8 lỗ, nhám	viên	QCVN 16:2019/BXD	260x390 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá tại NMM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xã Việt Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	10,000
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.		11,000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		13,000
								-Giá đã bao gồm phí vận chuyển* bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu	Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		13,500
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		14,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch Block số 8 tròn có, giá cổ, lứt mái, kích: 2 lỗ, 8 lỗ, nhám	viên	QCVN 16:2019/BXD	260x390 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	Vào được, chia áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mức bề tổng tăng 10.000vnd/đơn vị tính theo mức 250-300-150...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá bán tại trung tâm huyện Đan Rông	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng, Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	12.000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		12.000
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		14.000
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		15.000
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		16.000
		Gạch Block xây tường, loại 2, 3 vách ngăn, mức 75(dày 9cm)	viên	QCVN 16:2019/BXD	90 x 190 x 390mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mức bề tổng tăng 10.000vnd/đơn vị tính theo mức 250-300-150...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		4.800
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		5.500
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		6.800
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		7.100
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		7.200
		Gạch Block xây tường, loại 2, 3 vách ngăn, mức 75(dày 9cm)	viên	QCVN 16:2019/BXD	90 x 190 x 390mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá bán tại trung tâm huyện Đan Rông		7.200
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		6.500
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		7.200
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		7.500
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		7.700

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Chi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch Block xây tường, loại 2, 3 vạch ngang, mác 75(dày 19cm)	viên	QCVN 16:2019/BXD	190 x 190 x 390mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	Giá bán theo giá niêm yết tại Đơn vị: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)			9,500
								Giá tại CT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng			11,000
								Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt			13,500
								Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 2B/14, đường 800A, P.Nguyễn Đức, Q.Châu Giang, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xó Viết Nghệ Thuật, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	14,000
								Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương			14,500
								Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông			14,500
								Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng			12,500
								Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh			14,500
								Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc			15,000
								Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm			15,500
								Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)			1,100
		Gạch Block đặc XD(Gạch đinh, gạch thẻ, gạch đặc) M75	viên	QCVN 16:2019/BXD	40 x 80 x 180mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cửa vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+ xanh. Mác bê tông tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mác 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng			
								Giá tại CT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng			1,300
								Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt			1,450
								Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương			1,500

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch Block đặc XD (Gạch định gạch thẻ, gạch đặc) M75	viên	QCVN 16:2019/BXD	40 x 40 x 180mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		1,550
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		1,400
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		1,350
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		1,650
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		1,700
		Gạch Block xây dựng, loại gạch 6 lỗ, mức 75	viên	QCVN 16:2019/BXD	80 x 120 x 180mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	Giá tại NML sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng) -Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng, sẫm+xanh. Mức bề tổng tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mức 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá tại NML sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN/JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nguyễn Đức, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7.Tp Đà Lạt.Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	1,500
									Giá tại TP huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		1,700
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		2,350
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		2,400
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		2,450
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		2,450
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		2,250
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		2,450
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		2,600
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		2,700

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
									Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm I, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		1,450
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		1,650
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		2,200
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		2,350
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		2,400
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Rông	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đo, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm I, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xã Việt Nghệ Tĩnh, Phường 2, Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	2,400
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		2,100
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		2,400
									Giá bán tại trung tâm TP Bắc Lộc		2,550
									Giá bán tại trung tâm huyện Bắc Lâm		2,650
									Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm I, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		1,350
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		1,500
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		1,650
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đo, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây	1,700

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*	
		Gạch Block xây dựng, loại gạch 4 lỗ, mức 75	viên	QCVN 16:2019/BXD	80 x 80 x 180mm	Công ty cổ phần DCM Sài Gòn	Việt Nam		Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương	Nguyễn Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hòa, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại Văn phòng: 093.417.8886		
								Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông	1,750			
								Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng	1,600			
								Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh	1,750			
								Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc	1,850			
								Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm	1,900			
		Gạch Block xây dựng, loại gạch 2 lỗ, mức 75	viên		100 x 150 x 250mm				Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hòa, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		3,100	
		Gạch Block xây dựng, loại gạch 2 lỗ, mức 75	viên	QCVN 16:2019/BXD	100 x 150 x 250mm	Công ty cổ phần DCM Sài Gòn	Việt Nam		Giá tại TP huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	-Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mức bề lông tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mức 250-300-350...Giao hàng với 15 ngày kỷ		3,500
								Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt	4,350			
								Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương	4,400			
								Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương	4,450			
								Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông	4,450			
								Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng	4,250			
								Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh	4,450			
								Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc	4,600			

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
								hợp đồng	Giá bán tại trung tâm huyện Bão Lãm		12,000
		Gạch block lục giác rung ép, lát mái dè, kê, giá cổ taluy(Block nhám, dày 8cm, mức 75)	viên	QCVN 16:2019/BXD	350 x 350 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		10,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lâm Hà		12,000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		14,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		15,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		16,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		16,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		13,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		16,000
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		17,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		18,000
II	ĐÁ XÂY DỰNG CÁC LOẠI										
1	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá Lạc Lâm, huyện Lạc Dương										
		Đá 1,0x1	m ³		Đá 1,0x1						300,000
		Đá 1x2	m ³		(1x2)cm						390,000
		Đá 2x4	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(2x4)cm	Công ty TNHH Hưng	Việt Nam		Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm huyện Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc	Theo báo giá của Công ty TNHH Hưng Nguyên ngày 28/12/2023 địa chỉ: 86	570,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đá 0x4 qua Cột	m ³		Đá 0x4 qua Cột	Nguyên			lên phương tiện vận chuyển	Nguyễn Đình Chiều, P9, Tp Đà Lạt, DT: 02633.824.063.	360,000
		Đá 4x6	m ³		(4x6)cm						330,000
		Đá 5x7	m ³		(5x7)cm						330,000
2	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã Gia Hiệp, huyện Di Linh										
		Đá 0x2,5 (cm)	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(0 - 2,5) cm	Công ty TNHH Khai thác Xây dựng Lộc Đại Phát	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng: tại mỏ đá thôn 3, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 01/3/2024 của Công ty TNHH Khai thác Xây dựng Lộc Đại Phát. Địa chỉ Thôn 3, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng. ĐT: 0942 891115.	336,364
		Đá 0x 3,75 (cm)	m ³		(0,5 - 3,75) cm						309,091
		Đá 1x2 (cm)	m ³		(1 - 2) cm						363,636
		Đá 2x4 (cm)	m ³		(2 - 4) cm						363,636
		Đá 3x7 (cm)	m ³		(3 - 7) cm						281,818
		Đá 0x4 (cm)	m ³		(0,5 - 4) cm						281,818
		Mì Bột	m ³		(0 - 0,5) cm						281,818
		Mì Sàng	m ³		(0,5 - 1) cm						281,818
3	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm										
		Đá 1x2 (cm)	m ³		(1x2)cm	Công ty TNHH Khai thác đá Thái Sơn	Việt Nam				340,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đá 0x4 (cm)	m	QCVN 16:2019/BXD	(0x4)cm	Công ty TNHH Khai thác đá Thái Sơn	Việt Nam			Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ đá thôn 10B, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	250,000
		Đá mi	m ³		Đá mi						250,000
		Đá local	m ³		Đá local						200,000
4	Sân phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng										
		Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Xây dựng Tân Thái	Việt Nam			Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ đá thôn Gân Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	336,364
		Đá 0x4	m ³		(0x4)						281,818
		Đá 2x4	m ³		(2x4)						318,182
		Đá 0x37,5	m ³		(0x37,5)						281,818
		Đá 0x2,5	m ³		(0x2,5)						309,091
		Đá 0,5 x1cm	m ³		(0,5 x1)						254,545
		Đá 4x6	m ³		(4x6)						281,818
		Đá 5x7	m ³		(5x7)						281,818
		Đá mi	m ³		Đá mi						236,364
		Đá local	m ³		Đá local						254,545
5	Sân phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm.										
		Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Bảy Tài					127,273

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đá 0x4	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(0x4)	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Bảy Tài	Việt Nam		Giá tại mỏ được xác lên xe cho bên mua tại địa chỉ: Thôn 13, Xã Lộc Ngãi, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng (cách ngã ba Tân Lâm 2km, cách UBND Huyện Di Linh 22km, UBND Huyện Bảo Lâm 20km)	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Bảy Tài	236,364
		Đá 4x6	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(4x6)					Địa chỉ: Thôn 13, Xã Lộc Ngãi, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0979404805, liên hệ: Anh Duy.	272,727
6	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá thôn Đoàn Kết, xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng										
		Đá 1x1,5 (cm)	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x1,5) cm	Công ty TNHH Dương Phát	Việt Nam		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ thôn Đoàn Kết, xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 03/01/2024 của Công ty TNHH Dương Phát (Đ/c: 06B Nguyễn Đình Quán, P5, tp. Đà Lạt, Lâm Đồng.	390,909
		Đá 1x1,8 (cm)	m ³		(1x1,8) cm						390,909
		Đá 1x1,9 (cm)	m ³		(1x1,9) cm						390,909
		Đá 1x2 (cm)	m ³		(1x2) cm						363,636
		Đá 2x4 (cm)	m ³		(2x4) cm						345,455
		Đá 0x2,5 (cm)	m ³		(0x2,5) cm						336,364
		Đá 0x4 (cm)	m ³		(0x4) cm						309,091
		Đá 0x6 (cm)	m ³		(0x6) cm						309,091
		Đá mi sàng (0,5x1)	m ³		(0,5x1)						281,818
		Đá mi bụi	m ³		Đá mi bụi						263,636
		Đá Loka	m ³		Đá Loka						281,818
7	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá Phường 7, thành phố Đà Lạt										
		Đá xô bỏ (10cm x 50cm)	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(10cm x 50cm)	Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	Việt Nam		Giá bán tại mỏ đá P7 Thành phố Đà Lạt	Theo công văn số 02/2024/CV-Cty v/v báo giá sản phẩm ngày 25/01/2024 của Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt (Đ/c: 25 Trần Phú, P3, TP. Đà Lạt,ĐT 02633.822243	150,000
		Đá 1cm x 2cm	m ³		(1cm x 2cm)						373,000
		Bộ đá	m ³		Bộ đá						209,000
		Đá 0cm x 4cm	m ³		(0cm x 4cm)						309,000

STT	Nhóm vật hiệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
8	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông.										
		Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Ngọc Bình	Việt Nam			Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ khai thác: Thôn 2, xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	351,818
		Đá 0x4	m ³		(0x4)						327,273
		Đá 0x25	m ³		(0x25)						345,455
		Đá 4x6	m ³		(4x6)						290,909
9	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng										
		Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Quốc Định	Việt Nam			Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại xã N'Thôn Hạ, Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	318,182
		Đá 0x4	m ³		(0x4)						263,636
		Đá 0x37,5	m ³		(0x37,5)						254,545
		Đá 0x25	m ³		(0x25)						290,909
		Đá Local	m ³		Đá Local						245,455
10	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá thôn 5, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc										
10.1	Đá xây dựng thông thường										
		Đá dăm 1x1,6	m ³		(1x1,6)						345,455
		Đá dăm 1x1,9	m ³		(1x1,9)						345,455
		Đá dăm 1x2	m ³		(1x2)						327,273
		Đá dăm 2x4	m ³		(2x4)						273,727

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đá dăm 1x1,6	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x1,6)	Công ty Cổ phần Tân Anh Tu	Việt Nam		Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT và chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá Thôn 5, Xã Đại Láo, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.	Theo báo giá số 01/BGNP ngày 01/11/2023 của Công ty Cổ phần Tân Anh Tu. Địa chỉ kho: Thôn 5, Xã Đại Láo, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại liên hệ: 0913.766.672.	221,364
		Đá dăm Dmax 25	m ³		Dmax 25						254,545
		Đá dăm Dmax 35	m ³		Dmax 35						234,845
		Đá dăm Dmax 37,5	m ³		Dmax 37,5						236,364
		Đá dăm 0x4	m ³		(0x4)						227,273
		Đá mi sàng	m ²		Đá mi sàng						254,545
		Đá mi xô	m ³		Đá mi xô						209,091
10.2	Đá qua cỡ ly tâm										
		Đá dăm 1x1,6	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x1,6)						390,909
		Đá dăm 1x1,9	m ³		(1x1,9)						390,909
		Đá dăm 10x22	m ³		(10x22)						372,727
		Đá mi sàng	m ³		Đá mi sàng						309,091
11	Sản phẩm đá xây dựng tại Thôn 5, xã Đại Láo, thành phố Bảo Lộc										
		Đá dăm 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp Lâm Đồng	Việt Nam		Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT và chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá Thôn 5, Xã Đại Láo, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.	Theo báo giá số 11/TR-ĐN ngày 01/11/2023 của Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp Lâm Đồng. Địa chỉ: Thôn 5, Xã Đại Láo, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. ĐT: 036232,242,114.	318,182
		Đá dăm 2x4	m ³	ni	(2x4)						254,545
		Đá dăm cấp phối 0,1x4	m ³	ni	(0,1x4)						218,182
		Đá dăm cấp phối 0,1x2,5	m ³	ni	(0,1x2,5)						240,909
		Đá dăm 4x7	m ³	ni	(4x7)						227,272
		Đá loca	m ³	ni	Đá loca						200,000
III	CÁT XÂY DỰNG										
1	Sản phẩm của Công ty TNHH Hưng Nguyên tại mỏ đá Lạc Lâm, huyện Đơn Dương										

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá báo (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cát nhân tạo (nghiên qua Col)	m ³	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Hưng Nguyên	Việt Nam		Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm huyện Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển	Theo báo giá vật liệu ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Hưng Nguyên, Địa chỉ số 86 Nguyễn Đình Chiểu, P.4, Tp Đà Lạt, DT: 02633.824.063	530,000
2	Sản phẩm của Công ty TNHH Sáng tạo và Phát triển DH										
		Cát bê tông	m ³	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Sáng tạo và Phát triển DH	Việt Nam		Đơn giá giao tại chân công trình (Trong địa bàn huyện Đa Tịch <=10km)	Theo báo giá vật liệu xây dựng ngày 01/11/2023 của Công ty TNHH Sáng tạo và Phát triển DH, địa chỉ: thôn 3, xã Đa Kho, huyện Đa Tịch, số ĐT: 0948398398	355,000
		Cát xây	m ³								355,000
3	Sản phẩm của Công ty TNHH Khánh Luân Gia										
		Cát tự nhiên	m ³	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Khánh Luân Gia	Việt Nam		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại xã Đa Dòn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	Theo thông báo giá ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Khánh Luân Gia, địa chỉ: Thôn An Phước, xã Đa Dòn, Lâm Hà, Lâm Đồng.	345,454
4	Sản phẩm cát tại mỏ cát lòng suối Đăk Heng, xã Lạc huyện Lạc Dương										

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Chi phí	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa	m ³	QCVN 16:2019/BXD		Hộ Kinh doanh Nguyễn Thị Dung	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc vác lên phương tiện của khách hàng tại mỏ cát lòng suối Đắk Heur thuộc xã Lát và xã Đưng K'Nô, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	theo thông báo giá vật liệu xây dựng của Hộ Kinh doanh Nguyễn Thị Dung, địa chỉ: Thôn Lán Tranh, xã Đưng K'Nô, Lạc Dương, Lâm Đồng, ĐT: 0377.806.680.	245,000
5	Sản phẩm cát tại mỏ khai thác sông Ea Krông số, xã Đạ R'Sai, huyện Đam Rông										
		Cát xây	m ³	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Tuấn Vượng 68	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ khai thác: sông Ea Krông Nô, xã Đạ R'Sai, huyện Đam Rông	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng kèm Bảng đơn giá các loại sản phẩm, đơn giá áp dụng từ ngày 01/4/2024 đến hết ngày 30/4/2024 của Công ty TNHH Tuấn Vượng 68. Địa chỉ: số 72 QL 27, thôn Phi Có, xã Đạ R'Sai, Đam Rông, Lâm Đồng, ĐT 0943.256.999	245,000
		Cát tô	m ³								280,000
		Cát sỏi	m ³								170,000
4	Sản phẩm cát khai thác tại lòng hồ Đạ Tẻh, xã Mỹ Đức.										
		Cát xây	m ³	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Phương Hùng	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại lòng hồ Đạ Tẻh xã Mỹ Đức, chưa bao gồm chi phí vận chuyển tới chân công trình	Theo bảng báo giá vật liệu ngày 27/01/2024 của Công ty TNHH Phương Hùng. Địa chỉ: thôn 4, Xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, điện thoại: 02 633 800294	245,000
3	Sản phẩm cát khai thác tại mỏ cát lòng sông Đạ Quay, thôn 11, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh										
		Sỏi dăm 5x20mm	m ³		(5x20)mm				Đơn giá giao tại chân công trình (Trong địa bàn huyện Đạ Tẻh)	Theo Bảng báo giá vật liệu xây dựng ngày 01/11/2024 của Công ty TNHH Sáng tạo và Phát triển Đất đai chi	400,000



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*	
		Sợi đan 5x10mm	m ²	QCVN 1:2021/BXD	(5x10)mm	Công ty TNHH Sản tạo và Phát triển DSI	Việt Nam		<=10km)	thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Ieh, số DT: 0948398398	400,000	
		Sợi đan 10x40mm	m ³		(10x40)mm						400,000	
IV	BÊ TÔNG NHỰA ĐƯỜNG											
I	Sản phẩm của Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng											
1.1	Trạm trộn Tam Bồ - Di Linh					Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng	Việt Nam		Đơn giá tại mỏ đá Hùng Vương, thôn Hiệp Thành 2, xã Tam Bồ, Di Linh, Lâm Đồng. Đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến chân công trình	Theo bảng báo giá ngày 27/12/2023 của Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng, Điện thoại: 0919.706.065.		
		Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn	Không có thông tin							1,565,000	
		Bê tông nhựa nóng hạt mịn C12.5	đồng/tấn	Không có thông tin							1,610,000	
1.2	Trạm trộn Tân Hà - Lâm Hà					Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng	Việt Nam					
		Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn	Không có thông tin					1,615,000			
		Bê tông nhựa nóng hạt mịn C12.5	đồng/tấn	Không có thông tin					1,660,000			
3.	Trạm trộn Liêng Sơnh-Đam Rông											
		Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn	Không có thông tin								1,665,000
		Bê tông nhựa nóng hạt mịn C12.5	đồng/tấn	Không có thông tin								1,710,000
V	BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM											

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
	Sản phẩm của Công ty CP Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Lâm Đồng										
1.1	Khu vực Đà Lạt và Huyện Lạc Dương										
		Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)		Công ty CP Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn Cam Ly (đường Nguyễn Đình Quán-Phường 5-Tp Đà Lạt) đến công trình trong bán kính 10 km.	Theo công văn báo giá số 02/2024/CV-Cty ngày 25/01/2024 của Công ty CP Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Lâm Đồng. Địa chỉ: 87 Phú Đồng Thiên Vương-Phường 8, Tp Đà Lạt. Điện thoại: 0918 012 778-02633 525 888.	1,463,636
		Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,509,091
		Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,554,545
		Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,600,000
		Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,654,545
		Bê tông M350-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,745,455
		Bê tông M400-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,854,545
1.2	Khu vực Huyện và thành phố Bảo Lộc										
		Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)		Công ty CP Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn gần nhất (Trạm trộn Tây Đại Lào...) đến công trình trong bán kính 10km.	Địa bàn áp dụng: Bảo Lộc, Bảo Lâm, Đa Tịch, Cát Tiên, Đa Hươai	1,227,273
		Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,272,727
		Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,318,182
		Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,363,636
		Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,427,273
		Bê tông M350-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,540,909
1.3	Khu vực huyện Đức Trọng, Di Linh, N'Thôn Hạ										
		Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)		Công ty CP Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn gần nhất (Trạm Hiệp An, Trạm N'Thol Hạ, Trạm Tam Hồ...) đến công trình	*Địa bàn áp dụng: Đức Trọng, Đơn Dương, Đơn Rông, Di Linh, Lâm Hà	1,227,273
		Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,272,727
		Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,318,182
		Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,363,636

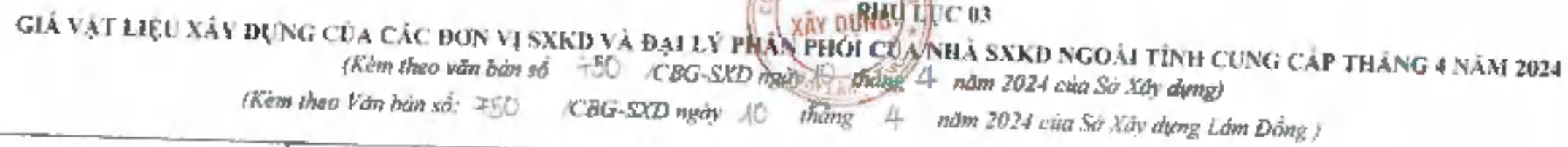
STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³			Công ty CP Khoáng sản & VLXD 1 âm Đồng	Việt Nam		trong bán kính 10km		1.427.772
		Bê tông M350-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1.540.909
VI	CẦU KIẾN BÊ TÔNG ĐÚC SÀN										
1	Sản phẩm của Công ty TNHH Hưng Nguyên										
		Ống công ty tấm									
		Ống công Ø 800 dày 80mm-VH, L=3m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH Hưng Nguyên	Việt Nam		Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm, Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển	Theo bảng giá vật liệu ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Hưng Nguyên, Địa chỉ: 86 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 9, Tp Đà Lạt, điện thoại: 02633.824.063.	1.440.000
		Ống công Ø 800 dày 80mm-H10, L=3m	mét								1.580.000
		Ống công Ø 800 dày 80mm-H30, L=3m	mét								1.690.000
		Ống công Ø 1000 dày 90mm-VH, L=3m	mét								2.030.000
		Ống công Ø 1000 dày 90mm-H10, L=3m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH Hưng Nguyên	Việt Nam				2.170.000
		Ống công Ø 1000 dày 90mm-H30, L=3m	mét								2.280.000
		Ống công Ø 1200 dày 120mm-VH, L=3m	mét								2.910.000
		Ống công Ø 1200 dày 120mm-H10, L=3m	mét								3.190.000
		Ống công Ø 1200 dày 120mm-H30, L=3m	mét	TCVN 9113:2012							3.400.000
		Ống công Ø 1500 dày 130mm-VH L=2,5m	mét								4.300.000
		Ống công Ø 1500 dày 130mm-H10, L=2,5m	mét								4.650.000
		Ống công Ø 1500 dày 130mm-H30, L=2,5m	mét								4.850.000
2	Sản phẩm của Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương										

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Chú chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cống rung ép								Theo công văn số 270224/SXD-KTXD ngày 27/02/2024 của Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương, địa chỉ: số 517 Hùng Vương, Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Xưởng sản xuất 1: Thôn Phú Bình, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; Xưởng sản xuất 2: CN11 Khu công nghiệp Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, điện thoại: 02633.994.995 hoặc 0903 195 165.	
		Ống cống BT rung ép Ø400 - VH, L=2,6m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương	Việt Nam		Đơn giá tại xưởng SX1: Đức Trọng, Lâm Đồng (chưa bao gồm vận chuyển, chi phí cầu lên xe)		413,000
		Ống cống BT rung ép Ø400 - H10, L=2,6m	mét								425,000
		Ống cống BT rung ép Ø400 - H10, L=2,6m	mét								435,000
		Ống cống BT rung ép Ø600 - VH, L=3m	mét								630,000
		Ống cống BT rung ép Ø600 - H10, L=3m	mét								655,000
		Ống cống BT rung ép Ø600 - H30, L=3m	mét			Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương	Việt Nam		Đơn giá tại xưởng SX1: Đức Trọng, Lâm Đồng (chưa bao gồm vận chuyển, chi phí cầu lên xe)		700,000
		Ống cống BT rung ép Ø800 - VH, L=3m	mét								980,000
		Ống cống BT rung ép Ø800 - H10, L=3m	mét								1,040,000
		Ống cống BT rung ép Ø800 - H30, L=3m	mét								1,080,000
		Ống cống BT rung ép Ø1000 - VH, L=3m	mét								1,465,000
		Ống cống BT rung ép Ø1000 - H10, L=3m	mét								1,565,000
		Ống cống BT rung ép Ø1000 - H30, L=3m	mét								1,595,000
		Ống cống BT rung ép Ø1200 - VH, L=2m	mét								2,310,000



STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Hệ số hiệu chỉnh thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Ống cống BT rung ép Ø1200 - H130, L=2m	mét	TCVN 9113:2012							2.415,000
		Ống cống BT rung ép Ø1200 - H30, L=2m	mét								2,490,000
		Ống cống BT rung ép Ø1500 - H130, L=2m	mét								3,010,000
		Ống cống BT rung ép Ø1500 - H10, L=2m	mét								3,380,000
		Ống cống BT rung ép Ø1500 - H30, L=2m	mét								3,430,000
		Cống ly tâm									
		Ống cống BT ly tâm Ø600 - H10, L=4m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương	Việt Nam		Đơn giá tại xưởng SX2: Thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng (chưa bao gồm vận chuyển, chi phí cầu lên xe)		700,000
		Ống cống BT ly tâm Ø600 - H30, L=4m	mét								750,000
		Ống cống BT ly tâm Ø800 - H10, L=4m	mét								1,140,000
		Ống cống BT ly tâm Ø800 - H30, L=4m	mét			Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương	Việt Nam				1,170,000
		Ống cống BT ly tâm Ø1000 - H10, L=4m	mét								1,610,000
		Ống cống BT ly tâm Ø1000 - H30, L=4m	mét								1,650,000
		Gối công và Joint cao su									
		Gối công D400	Cái						Đơn giá tại xưởng (chưa bao gồm vận chuyển, chi phí cầu lên xe)	Theo công văn số 270224/SXD-KTXD ngày 27/02/2024 của Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương, địa chỉ: số 517 Hùng Vương, Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Xưởng sản xuất 1: Thôn Phú Ninh, xã Phú Ninh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Xưởng sản xuất	140,000
		Gối công D600	Cái								200,000
		Gối công D800	Cái								262,000
		Gối công D1000	Cái								370,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Nguồn gốc	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gối công D1200	Cái	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Cường	Việt Nam			Đơn vị: Công ty TNHH Cầu công nghiệp Lạc Sơn, thành phố Lạc Sơn, tỉnh Lâm Đồng, điện thoại: 02633.994.995 hoặc 0903.195.165.	500,000
		Gối công D1500	Cái								615,000
		Joint công D400	Sợi								45,000
		Joint công D600	Sợi								60,000
		Joint công D800	Sợi								70,000
		Joint công D1000	Sợi								90,000
		Joint công D1200	Sợi								130,000
		Joint công D1500	Sợi								135,000

[illegible]

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		XM Poóc lăng hỗn hợp PCB40	Bao	QCVN 16:2019 BXD	50kg/bao	Công Ty CP Phát triển Sài Gòn	Việt Nam				78,000
		XM Poóc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB40-MS	Bao	QCVN 16:2019 BXD	50kg/bao	Công Ty CP Phát triển Sài Gòn	Việt Nam	Đơn giá bao gồm chương trình chiết khấu đại sản lượng với mức tiêu thụ từ 300 tấn đến 35.000 tấn tùy từng thời điểm và từng khách hàng (có thông báo rõ). Hoặc chương trình khuyến mãi xi măng tùy từng thời điểm để kích thích tiêu thụ được đăng ký tại các cơ quan nhà nước theo luật định	Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên và xuống phương tiện vận chuyển đến địa điểm giao hàng trong khu vực TP, số lượng tối thiểu để được vận chuyển 10-50 tấn/ chuyến.(Giá bán tại khu vực Lâm Đồng)	Bảng niêm yết giá theo Công văn số 09/CV-SDC ngày 20/02/2024 của Công Ty CP Phát triển Sài Gòn (Trụ sở chính: 213/13 Nguyễn Gia Trí, P.25, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh.Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 65 đường 12, khu phố Long Sơn,P.Long Bình, TP Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh, Liên hệ: Trần Tấn Phát:0909011628). Mức đăng ký giá thực hiện từ ngày 02/01/2024 đến khi có thông báo mới.	80,000
		XM Poóc lăng hỗn hợp PCB50	Bao		50kg/bao						90,000
		XM Poóc lăng xi lô cao- PCbfs40 loại II	Bao		50kg/bao						80,000
		XM Poóc lăng bền sun phát PCbsr50 (type V)	Bao		50kg/bao						100,000
		Xi măng Xây Trát-MC 25	Bao		50kg/bao						74,000
4		Công ty Cổ phần Xi măng ĐÌNH CAO									
		Xi măng TOPHOME PCB 40	Bao	QCVN 16:2019 BXD &TCVN 6260:2009	50kg/bao	Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng ĐÌNH CAO	Việt Nam	Đơn giá bao gồm chương trình chiết khấu đại sản lượng tùy từng thời điểm (có thông báo rõ) hoặc chương trình khuyến mãi từng thời điểm để kích thích tiêu thụ	Giá bán lẻ tại các địa phương Lâm Đồng	Bảng niêm yết giá theo Công văn số 69/TBG/LD ngày 01/04/2024 của Công Ty Cổ phần Xi măng Đình Cao 36A Phan Đăng Lưu, P5, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.Liên hệ: Huỳnh Minh Tiến- 0981.679.814)	85,000
II	GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT										

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vật chuyên*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*				
1		Sản phẩm của Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME													
		GẠCH LÁT NỀN CÁC LOẠI													
		Gạch Ceramic, nhóm B1b													
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 25x25cm	Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME	Việt Nam		Giá theo khu vực tỉnh Lâm Đồng	Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME. Địa chỉ: Khu Công nghiệp Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc. Điện thoại liên hệ: VP đại diện miền Nam: Phạm Thu Hiền-0983 199 083. Văn bản số 129/2024/VPĐD ngày 02/01/2024 v/v đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa gạch ốp lát định kỳ tại Sở Xây dựng kèm theo Bảng Niêm yết giá áp dụng từ ngày 02/01/2024 đến 31/12/2024 của Cty.Đại lý phân phối: Công ty TNHH Tâm Thanh Sơn.Địa chỉ: số 9A đường Đoàn Thị Điểm, Phường 4,Thành phố Đà Lạt,Tỉnh Lâm Đồng.Điện thoại: 0908 950589	99,510				
		Gạch ceramic mài cạnh, hiệu ứng bề mặt	m ²		KT: 30x30cm						252,520				
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²		KT: 30x30cm						101,650				
		Gạch Porcelain, nhóm B1b													
		Gạch porcelain giả gỗ, không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 15x60cm						202,230				
		Gạch porcelain không mài cạnh	m ²		KT: 10x30cm						263,220				
		Gạch bán sứ mài cạnh	m ²		KT: 50x50cm						160,500				
		Gạch Porcelain, nhóm B1a													
		Gạch porcelain men bóng,mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 60x60cm						242,890				
		Gạch porcelain cao cấp men mờ,mài cạnh	m ²		KT: 60x60cm						273,920				
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 60x90cm						374,500				
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 30x90cm						374,500				
		Gạch porcelain men mờ,mài cạnh	m ²		KT: 30x60cm						304,950				
		Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh	m ²		KT: 15x90cm						385,200				
		Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 15x80cm						315,650				
		Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh	m ²		KT: 15x60cm						294,250				
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 60x120cm						620,600				

Công Ty TNHH MTV
Thương Mại và XNK
PRIME. Địa chỉ: Khu
Công nghiệp Bình Xuyên,
huyện Bình Xuyên, Tỉnh
Vĩnh Phúc. Điện thoại liên
hệ: VP đại diện miền Nam:
Phạm Thu Hiền-0983 199
083. Văn bản số
129/2024/VPDD ngày
02/01/2024 v/v đề nghị
công bố giá sản phẩm.
hàng hóa gạch ốp lát định
kỹ tại Sở Xây dựng kèm
theo Bảng Niêm yết giá áp
dụng từ ngày 02/01/2024
đến 31/12/2024 của
Cty. Đại lý phân phối:
Công ty TNHH Tâm
Thanh Sơn. Địa chỉ: số 9A
đường Đoàn Thị Điểm,
Phường 4, Thành phố Đà
Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Điện
thoại: 0908 950589

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*	
											952,300	
		Gạch porcelain bóng/ mờ, mài cạnh	m ²		KT: 80x120cm						349,890	
		Gạch porcelain bóng/ mờ, mài cạnh	m ²		KT: 80x80cm							
		Gạch Ceramic xương trắng, nhóm BIII									133,750	
		Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 30x45cm	Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME	Việt Nam		Giá theo khu vực tỉnh Lâm Đồng		273,920	
		Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh	m ²		KT: 40x80cm						199,020	
		Gạch ceramic mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 30x30cm						99,510	
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²		KT: 25x40cm						194,740	
		Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh	m ²		KT: 30x60cm							
		Gạch Ceramic không mài cạnh, nhóm BIIIb										98,440
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 40x40cm						156,220	
		Gạch ceramic men bóng, không mài cạnh	m ²		KT: 20x40cm						211,860	
		Gạch ceramic men bóng, khuôn di hình, không mài cạnh	m ²		KT: 20x40cm							
		Gạch Ceramic mài cạnh, nhóm BIIa										123,050
		Gạch ceramic mài cạnh kỹ thuật số	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 50x50cm						112,350	
		Gạch ceramic mài cạnh	m ²		KT: 50x50cm						141,240	
		Gạch ceramic xương đỏ, mài cạnh	m ²		KT: 60x60cm						109,140	
		Gạch ceramic in KTS, mài cạnh	m ²		KT: 40x40cm							
		Gạch Ceramic không mài cạnh, nhóm BIIa										114,490
		Gạch ceramic sân vườn, không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 40x40cm						104,860	
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²		KT: 50x50cm							

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch Ceramic xương đỏ mài cạnh, nhóm B11									
		Gạch ceramic xương đỏ, mài cạnh	m ²		KT: 30x45cm						124,120
		Gạch ceramic xương đỏ, mài cạnh	m ²		KT: 30x60cm						145,520
III	NHÓM SƠN, BỘT TRÉT TƯỜNG										
1		Sản phẩm của Công ty TNHH KOVA NANOPRO									
		Sơn nội thất									
		Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA K-108	Thùng	TCVN 8652:2020	(25kg)						1,285,364
		Sơn nội thất cao cấp KOVA VILLA	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(25kg)						1,411,000
		Sơn nội thất KOVA Lovely	Thùng	TCVN 8652:2020	(18 lít)						1,161,000
		Sơn nội thất cao cấp KOVA SG-168	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(25kg)	Công ty TNHH Kova Nanopro	Việt Nam				1,695,273
		Sơn ngoại thất									
		Sơn lót ngoại thất kháng kiềm cao cấp KOVA K-208	Thùng	TCVN 8652:2020	(18 lít)						2,662,818
		Sơn lót ngoại thất kháng kiềm cao cấp KOVA KV-118	Thùng	TCVN 8652:2020	(25kg)						2,035,273
		Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA CT-04	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(20kg)						4,117,000
		Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA VILLA	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(20kg)						2,279,636
		Bột trét									

Công ty TNHH KOVA NANOPRO. Địa chỉ: Khu B2-S, đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028 3620 3797. Line: 601. Công văn số CV Kova /V23-02 ngày 29/10/2023 kèm theo bảng niêm yết giá của Công ty. Mức kê đăng ký này thực hiện từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/03/2024.

Giá áp dụng cho tất cả huyện, thành phố trực thuộc tỉnh Lâm Đồng. đã bao gồm chi phí vận chuyển.

Giá áp dụng cho tất cả huyện, thành phố

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		+ Nội thất				Công ty TNHH Kova Nanopro	Việt Nam		Đông, đã bao gồm chi phí vận chuyển.		
		Bột trét nội thất cao cấp KOVA MSG	Bao	TCVN 7239:2014	(40kg)						130,000
		Bột trét nội thất cao cấp KOVA VILLA	Bao	TCVN 7239:2014	(40kg)						308,000
		+ Ngoại thất									
3		Sản phẩm của Công ty TNHH Sơn Kingson Việt Nam									
		King Putty Bột trét cao cấp nội- ngoại thất	Bao	QCVN 16:2019/BXD	40kg/bao	Công ty TNHH Sơn Kingson Việt Nam	Việt Nam		Giá trên áp dụng cho tất cả huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh Lâm Đồng, đã bao gồm chi phí vận chuyển và chưa thuế VAT 8%	Công ty TNHH Sơn Kingson Việt Nam. Địa chỉ 38A, đường 7A, KP5, P. Bình Hưng Hòa A, Q. Bình Tân, TP.HCM. Nhà sản xuất sản phẩm vật liệu đề nghị công bố giá: Sản xuất tại nhà máy: 39, Ấp 1, Xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Điện thoại: 0387.113.678. Kèm theo Công văn số 001/6/CBGKS ngày 20/9/2023 của Công ty về việc đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa định kỳ tại Sơ Xây dựng. Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày	455,000
		KingPrimer	Thùng		18 Lit						3,152,000
		KingPrimer	Lon		5 Lit						911,000
		KingPlast base A	Thùng		18 Lit						3,928,000
		KingPlast base A	Lon		5 Lit						1,069,000
		KingPlast base B	Thùng		18 Lit						3,731,000
		KingPlast base B	Lon		5 Lit						1,017,000
		KingSon FAMI Int base A	Thùng		18 Lit						1,030,000
		KingSon FAMI Int base A	Lon		5 Lit						335,000
		KingSon CLEAN base A	Thùng		18 Lit						2,120,000
		KingSon CLEAN base A	Lon		5 Lit						634,000
		KingSon CLEAN base A	Lon		1 Lit						157,000
		KingSon CLEAN base B	Thùng		18 Lit						1,982,000
		KingSon CLEAN base B	Lon		5 Lit						594,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		KingSon CLEAN base B	Lon		1 Lit					2019/2021 đến khi có thông báo mới	137,000
		KingSon SILK base A	Thùng		18 Lit						3,827,000
		KingSon SILK base A	Lon		5 Lit						1,168,000
		KingSon SILK base B	Thùng		18 Lit						3,650,000
		KingSon SILK base B	Lon		5 Lit						1,109,000
		KingSon SILK base C	Thùng		18 Lit						3,569,000
		KingSon SILK base C	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit	Công ty TNHH Sơn KingSon Việt Nam	Việt Nam				1,069,000
		KingSon INFINITY Int base A	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit						1,309,000
		KingSon INFINITY Int base A	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lit						295,000
		KingSon INFINITY Int base B	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit						1,247,000
		KingSon INFINITY Int base B	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lit						275,000
		KingSon INFINITY Int base C	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit						1,229,000
		KingSon INFINITY Int base C	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lit						256,000
		KingSon FAMI Ext base A	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 Lit						2,318,000
		KingSon FAMI Ext base A	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit						691,000
		KingSon FAMI Ext base A	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lit						176,000
		KingSon FAMI Ext base B	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 Lit						2,200,000
		KingSon FAMI Ext base B	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit						652,000
		KingSon FAMI Ext base B	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lit						157,000
		KingSon FINEST base A	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 Lit						4,484,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
4		Sản phẩm của Công ty CP Sơn Đồng Nai									2,500
		Bột trét trong nhà DONASA Lucky	Kg	TCVN7239:2014		Công ty CP Sơn Đồng Nai	Việt Nam	Mức giá trên áp dụng đối với các màu cơ bản, đối với một số màu đặc biệt vui lòng liên hệ bộ phận kinh doanh để được hỗ trợ	Mức giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các Cửa hàng. Đại lý của DONASA trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Công ty CP Sơn Đồng Nai Địa chỉ: đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 0251.3931.355. Cổng văn số 75/2023/CV-SĐN ngày 20/10/2023.	6,500
		Bột trét ngoài nhà DONASA Lucky	Kg	TCVN7239:2014							6,000
		Bột trét trong nhà DONASA	Kg	TCVN7239:2014							7,500
		Bột trét ngoài nhà DONASA	Kg	TCVN7239:2014							64,000
		Sơn lót chống kiềm trong - ngoài nhà DONASA Anti Alkali	Lít	QCVN 08:2020/BCT							63,000
		Sơn nước trong nhà DONASA SuperCoat	Lít	QCVN 16:2019/BXD QCVN 08:2020/BCT		Công ty CP Sơn Đồng Nai	Việt Nam				89,000
		Sơn nước ngoài nhà DONASA FlipCoat	Lít	QCVN 16:2019/BXD QCVN 08:2020/BCT							175,000
		Sơn nước cao cấp DONASA Hitech Plus	Lít	QCVN 16:2019/BXD QCVN 08:2020/BCT							67,000
		Sơn lót chống rỉ DONASA (màu đỏ, màu xám)	Kg	QCVN 08:2020/BCT							97,000
		Sơn dầu phủ DONASA	Kg	QCVN 08:2020/BCT							124,000
		Sơn kẽm DONASA 2 trong 1	Lít	QCVN 08:2020/BCT							
5		Sản phẩm của Công ty CP L.Q JOTON									
		Sơn giao thông									105,455
		Sơn giao thông lót- JOLINE Primer	Kg	TCVN 2102:2008	04kg/ lon 16kg/thùng						30,864
		Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang tiêu chuẩn TCVN (JFPT25)-JOLINE	Kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao						32,585
		Sơn giao thông vàng 20% hạt phản quang tiêu chuẩn TCVN (JFPV25)-JOLINE	Kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao						24,300
		Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang (JZPT25)-JOLINE	Kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao						25,650
		Sơn giao thông vàng 20% hạt phản quang (JZPV25)-JOLINE	Kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao						
									Mức giá đã bao gồm	Công ty CP L.Q JOTON, Địa chỉ: 118 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh.	

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Chú chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Sơn giao thông trắng 30% hạt phản quang AASHTO (JAPT23)-JOLINE	Kg	AASHTO	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON	Việt Nam		phí giao hàng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, bảng giá có giá trị từ ngày 01/3/2024 và sẽ có thay đổi khi có thông báo khác	Chi Minh, Điện thoại: 0823 8461970, Công văn số 11-04-24/BG-SXD-ĐA ngày 01/04/2024	43,200
		Sơn giao thông vàng 30% hạt phản quang AASHTO (JAPV23)-JOLINE	Kg	AASHTO	25kg/bao						45,600
		Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu trắng, đen)-JOWAY	Kg	TCVN 8787:2011	05kg/lon 25kg/thùng						170,909
		Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu vàng, đỏ)-JOWAY	Kg	TCVN 8787:2011	05kg/lon 25kg/thùng						212,727
		Sơn clear phản quang (1 bộ gồm Clear : 3,9Kg và Hạt phản quang: 1.1Kg)-JOWAY PLUS	Kg	TCVN 8791:2011	05kg/bộ						237,273
		Hạt phản quang- GLASS BEAD	Kg	BS 6088A	25kg/bao						28,182
		Jothiner Joway-TN400	Lít	TCVN 8787:2011	05lít/lon 01 lít/lon						96,364
		Sơn Epoxy									
		Sơn lót Epoxy gốc dầu- JONES® EPO	Kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K5551:2018	04kg/bộ 20kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON	Việt Nam		Mức giá đã bao gồm phí giao hàng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, bảng giá có giá trị từ ngày 01/3/2024 và sẽ có thay đổi khi có thông báo khác	Công ty CP L.Q JOTON, Địa chỉ: 188 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0823 8461970, Công văn số 11-04-24/BG-SXD-ĐA ngày 01/04/2024	199,091
		Sơn phủ Epoxy gốc dầu (trong nhà) - JONA® EPO	Kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K5659:2021	04kg/bộ 20kg/bộ						463,636
		Sơn lót Epoxy gốc nước- JONES® WEPO	Kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2021	04kg/bộ 20kg/bộ						207,273
		Matix gốc nước- JONES® WEPO	Kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2021	20kg/bộ						82,727
		Sơn phủ Epoxy gốc nước - JONA® WEPO	Kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2021	6,5kg/bộ 19,5kg/bộ						306,364
		Sơn dầu dụng dự án									
		Sơn phủ ngoại thất (LOTUS)	Thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON	Việt Nam				4,295,000
		Sơn lót ngoại thất (PROS dự án)	Thùng	TCCS 06:2011/LQJT	18lít/thùng						2,130,273
		Bột trét (PASSION EXT)	Bao	TCVN 7239:2014	40kg/bao						445,455
		Sơn phủ nội thất (PEACE)	Thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18lít/thùng						2,084,000
		Sơn lót nội thất (PROSIN dự án)	Thùng	TCCS 06:2011/LQJT	18lít/thùng						1,332,636

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Bột trét (PASSION INT)	Bao	TCVN 7239:2014	40kg/bao						336,364
IV	NHỰA ĐƯỜNG										
I		Sản phẩm của CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex									14,500
		Nhựa đường 60/70 - Xá	đ/kg	TCVN 7493:2005		CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu		Giao tại Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex (Tầng 5, số 01 Đinh Bộ Lĩnh, P.Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.ĐT: 02856 3893206. Báo giá Nhựa đường Petrolimex ngày 13/3/2024 kèm công văn số 039/2024/BG-NĐ.BĐ.KD.Gia bán có hiệu lực từ ngày 01/3/2024 đến khi có thông báo giá mới.	16,500
		Nhựa đường 60/70 - Phụ	đ/kg	TCVN 7493:2005			Nhập khẩu - đóng phụ tại Việt Nam				13,100
		Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CRS1-Xá	đ/kg	TCVN 8817:2011			Nhà máy nhựa đường Petrolimex				14,100
		Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CSS1-Xá	đ/kg	TCVN 8817:2011		CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex			Giao tại Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng		13,400
		Nhũ tương gốc Axit 60% - Xá	đ/kg	TCVN 8817:2011							21,500
		Nhựa đường lỏng Petrolimex MC70-Xá	đ/kg	TCVN 8817:2011							
2		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam-CN Đồng Nai									3,805,000
		CarboncorAsphalt- CA 9.5,CA6.7 (dùng trong xây dựng nâng cấp và cải tạo kết cấu áo đường)	Tấn	TCCS09:2014/TCĐB VN		Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam-CN Đồng Nai	Việt Nam				
		CarboncorAsphalt- CA 12.5 (dùng trong xây dựng nâng cấp và cải tạo kết cấu áo đường)	Tấn	TCCS10:2019/CARB ONVN					Gia chưa có thuế, đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy Đồng Nai đến trung tâm TP HCM	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam-CN Đồng Nai. Văn Phòng giao dịch: Tòa nhà Carboncor, 127 Hoàng	3,805,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Carboncor Asphalt- CA 19 (Bê tông nhựa nóng) (dùng trong xây dựng nâng cấp và cải tạo kết cấu đường)	Tấn	TCCS09:2019/CARB ONVN		Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam- CN Đồng Nai	Việt Nam		Đơn vị TP Đà Lạt. Người địa điểm trên, mỗi km phụ trội sẽ tính thêm 3.000 đồng/tấn	Ngã, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội Điện Thoại: 024.37958528/09.366.173 5.Nhà máy 2: Số 2, đường số 1 KCN Thuận Phú, xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai. Mục giá áp dụng từ Tháng 1 năm 2024. Hàng tháng, nếu có thay đổi Công ty sẽ gửi tờ trình đề xin đề nghị được điều chỉnh.	3,065,000
		Nhũ tương kiểm thẩm bảm	kg	TCVN 13506:2022							23,100
		Nhũ tương kiểm dính bảm	kg	TCVN 13506:2022					Giá tại kho nhà máy, chưa gồm: VAT và giá vận chuyển đến chân công trình		19,250
V	ĐÈN, ĐÈN TRANG TRÍ, ĐÈN CHIẾU SÁNG, THIẾT BỊ ĐIỆN										
1		Sản phẩm của CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát									
		ĐÈN LED									
		Đèn đường Led Nikkon S439 30W (3000K, 4000K, 5000K)	bộ	EN 61547TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002),TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014), TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014)		CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia			CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát,Địa chỉ: số 17 đường số 11- Khu phố 4- P.Linh Xuân-TP. Thủ Đức .Điện thoại: 0274 3739 588. Bảng báo giá sản phẩm đèn chiếu sáng LED, đèn trang trí kèm theo Công văn số 16/ĐQP/CV/2023 ngày 27/12/2023. Bảng báo giá có giá trị đến khi có thông báo giá mới	4,425,000
		Đèn đường Led Nikkon S439 30W (3000K, 4000K, 5000K)	bộ								5,250,000
		Đèn đường Led Nikkon S439 60W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								6,375,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 80W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								8,400,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn đường Led Nikkon S433 85W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ	EN 61547TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-1:2002), TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014), TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014)		CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia		Giá bán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát. Địa chỉ: số 17 đường số 11- Khu phố 4- P.Linh Xuân-TP. Thủ Đức .Điện thoại: 0274 3739 588. Bảng báo giá sản phẩm đèn chiếu sáng LED, đèn trang trí kèm theo Công văn số 16/ĐQP/CV/2023 ngày 27/12/2023. Bảng báo giá có giá trị đến khi có thông báo giá mới	9,150,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 90W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								9,450,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 100W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								9,760,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 115W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								10,650,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 120W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								11,250,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 145W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								12,225,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 40W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								5,520,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 60W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								6,560,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 80W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								7,600,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn đường Led Nikkon MURA 100W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								8,800,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 120W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ	EN 61547TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002), TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014), TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014)		CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia			Giá bán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	10,400,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 150W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								12,000,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 185W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								14,320,000
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365- 30W Malaysia	1 bộ								13,600,000
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365- 40W Malaysia	1 bộ								14,450,000
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365- 50W Malaysia	1 bộ								15,750,000
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365-60W Malaysia	1 bộ								20,250,000
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365- 80W Malaysia	1 bộ								24,750,000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLE- S3- 100W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ								11,925,000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLE- S3- 150W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ								13,425,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S3- 200W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ								14.925,000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S3- 250W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ								20.250,000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S5- 300W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ								21.750,000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S5- 350W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ								23.250,000
		ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG									
		Đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D200 - Taiwan	1 bộ	SẢN XUẤT THEO TIÊU CHUẨN: *Chip LED - LM80 * Bộ nguồn Driver : CE, EN 55015, EN61000, EN61547 * Bộ Đèn : LM 79, EN60598-1, EN60598-2-3, EN62471, EN 62493, EN 61000-1, EN 61547		Công ty TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia		Giá bán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát, Địa chỉ: số 17 đường số 11- Khu phố 4- P.Linh Xuân-TP. Thủ Đức, Điện thoại: 0274 3739 588. Bảng báo giá sản phẩm đèn chiếu sáng LED, đèn trang trí kèm theo Công văn số 16/QDP/CV/2023 ngày 27/12/2023. Bảng báo giá có giá trị đến khi có thông báo giá mới	11,670,000
		Đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D300 - Taiwan	1 bộ								14,100,000
		Đèn THGT chữ thập Đỏ D200 - Taiwan	1 bộ								3,900,000
		Đèn THGT chữ thập Đỏ D300 - Taiwan	1 bộ								4,200,000
		Đèn THGT nhắc lại D100 - Taiwan	1 bộ								6,600,000
		Đèn THGT đi bộ Xanh Đỏ D200 - Taiwan	1 bộ								8,550,000
		Đèn THGT đèn lùi Xanh Đỏ Vàng D300 - Taiwan	1 bộ								13,350,000
		Đèn THGT đèn lùi vuông 825x520 - Taiwan	1 bộ			Công ty TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia				23,700,000
		Tủ điều khiển THGT 2 pha	1 bộ								33,800,000
		Dù che tủ điều khiển	1 bộ								9,700,000
		Trụ đỡ tủ điều khiển - cần đỡ	1 bộ								1,750,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
2		Sản phẩm của Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam									
		Đèn LE-TITAN ECO 80W, 72 leds, 7200lm, IP66, IK09. Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA. Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC. Có cổng 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015; TCVN 10885-2:2015; TCVN 11843-2017; TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 568x240x100	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam			CÔNG TY TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam. Địa chỉ: 233/B Đặng Thùy Trâm, Phường 13, Q. Bình Thạnh, TP.HCM. Điện thoại: 0823 39 2345. Bảng báo giá sản phẩm đèn LED Thời gian áp dụng: ngày 01/01/2024 đến khi có thông báo mới.	10,065,000
		Đèn LE-TITAN ECO 80W, 16 leds, 10800lm, IP66, IK09. Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA. Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC. Có cổng 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015; TCVN 10885-2:2015; TCVN 11843-2017; TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 568x240x100						11,000,000
		Đèn LE-TITAN MIDI 100W, 32 leds, 13500lm, IP66, IK09. Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA. Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC. Có cổng 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015; TCVN 10885-2:2015; TCVN 11843-2017; TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 702x314x130						12,500,000
		Đèn LE-TITAN MIDI 120W, 48 leds, 17400lm, IP66, IK09. Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA. Điều chỉnh được góc nghiêng. Có cổng 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015; TCVN 10885-2:2015; TCVN 11843-2017; TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 702x314x130	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam					13,500,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED-TITAN PRO 100W, 96 leds>=21000lm, IP66, IK09, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC, Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	hộp	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 702x314x130		Việt Nam				14,500,000
		Đèn LED-TITAN PRO 205W, 96 leds, 25000lm, IP66, IK09, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC, Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 842*340*140				Giá bao gồm chi phí lắp đặt; giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng		16,800,000
		Đèn LED-INDI ECO 60W, 7200lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 500x177x86	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam					7,500,000
		Đèn LED-INDI ECO 80W, 10000lm, IP66, IK09, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC, Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 605*240*89						8,200,000
		Đèn LED-INDI MIDI 100W, 12000lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC, Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 605*240*89						8,800,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED-INDI MILEN 120W, 15000lm, IP66, IK08, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC. Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone)	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 715x270x94	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam				9,300,000
		Đèn LED-TITAN MIDE 150W, 18750lm, IP66, IK08, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC. Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 715x270x94						9,600,000
		Đèn LED-INDI PRO 180W, 168 leds, 22500lm, IP66, IK08, Tiết kiệm công suất 3 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC. Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 800x318x91						11,500,000
		Đèn LED-INDI PRO 200W, 25000lm, IP66, IK08, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC. Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone)	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 800x318x91						12,500,000
		Đèn LED-INDI PRO 220W, 27500lm, IP66, IK08, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC. Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 800x318x91						13,000,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDI 60W, tấm năng lượng 18V/80W, IP 66, IK09, Pin LiFePO4 12,8V/42AH, 10000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1352*373*107	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam		Giá bao gồm chi phí lắp đặt; giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng		24,000,000
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDI 80W, tấm năng lượng 18V/100W, IP 66, IK09, Pin LiFePO4 12,8V/42AH, 11000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1482*373*107						29,500,000
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDI 100W, tấm năng lượng 36V/100W, IP 66, IK09, Pin LiFePO4 25,6V/24AH, 13000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1482*373*107						36,200,000
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDI 120W, tấm năng lượng 36V/100W, IP 66, IK08, Pin LiFePO4 25,6V/30AH, 15000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1482*373*107						37,350,000
		Đèn LE-SOLAR INDI MIDI 60W, 30leds, 4200lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hạng A kết hợp với bộ điều khiển 12V/30Ah, 360Wh, tấm năng lượng mặt trời 18V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thấp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 690*265*130. Kích thước tấm Nt.MT (mm) 670*770*30						15,700,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LE-SOLAR INDI MIDI 80W, 80leds, 1000lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hàng A kết hợp với bộ điều khiển 24V/20Ah, 480Wh, tấm năng lượng mặt trời 36V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thắp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 645*295*144. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*35						19,750,000
		Đèn LE-SOLAR INDI MIDI 100W, 100leds, 11000lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hàng A kết hợp với bộ điều khiển 24V/20Ah, 480Wh, tấm năng lượng mặt trời 36V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thắp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 645*295*144. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*35	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam		Giá bao gồm chi phí lắp đặt; giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng		20,350,000
		Đèn LE-SOLAR INDI MIDI 120W, 120leds, 15600lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hàng A kết hợp với bộ điều khiển 24V/20Ah, 480Wh, tấm năng lượng mặt trời 36V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thắp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 645*295*144. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*35						22,350,000
3		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI)									
		Dây đồng đơn cứng bọc PVC-300/500V:									
		VC - 0,5 (Ø 0,80) - 300/500 V	d/m								
		VC - 1,00 (Ø1,13) - 300/500 V	d/m	TCVN 6610-3							2,250
		Dây điện bọc nhựa PVC-0,6/1Kv (ruột đồng):									3,730

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*			
		VCmd-2x0.5-(2x16/0.2)-0.6/1kV	đ/m	TCAS/NZS 3000.1		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Việt Nam		Không có thông tin	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh, điện thoại 028.38299443, Kèm công văn số 1544/CV-KDĐT ngày 8/3/2024 về thay đổi giá bán sản phẩm từ ngày 01 tháng 3 năm 2024, Thông tin liên hệ: A Hải Khởi Kinh doanh Tiếp Thị 0913.854.809. Bảng giá áp dụng trên toàn quốc	4,260			
		VCmd-2x0.75-(2x24/0.2)-0.6/1kV	đ/m								6,020			
		VCmd-2x1-(2x32/0.2)-0.6/1kV	đ/m								7,710			
		VCmd-2x1.5-(2x30/0.25)-0.6/1kV	đ/m								10,990			
		VCmd-2x1.5-(2x50/0.25)-0.6/1kV	đ/m								17,820			
		Dây điện mềm bọc như PVC-300/500V (ruột đồng):												
		VCmo-2x1-(2x32/0.2)-300/500V	đ/m	TCVN 6610-5		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Việt Nam						8,860	
		VCmo-2x1.5-(2x30/0.25)-300/500V	đ/m								12,480			
		Vemo-2x6-(2x7x12/0.30)-300/500V	đ/m								45,420			
		Ống luồn dây điện:												
		Ống luồn tròn F16 dài 2,9m	đ/ống	BS EN 61386-21;BS4607;TCVN 7417-21										
		Ống luồn cứng F16-1250N-CA16H	đ/ống								23,700			

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Ông luôn dân hồi CAF-16	đ/cuộn			Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Việt Nam				190,880
		Ông luôn dân hồi CAF-70	đ/cuộn								269,100
4		Sản phẩm của Chi nhánh CÔNG TY CỔ PHẦN Bóng đèn Phích nước Rạng Đông									
		Đèn LED năng lượng mặt trời- Chiếu pha-Chiếu sáng đường									
		Đèn LED chiếu pha NLMT 200W (Model: CP03.SL.RAD 200W.V2) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 20W, Quang thông đèn 1600Lm, pin lưu trữ Lithium LiFePO4 18 Ah, cấp bảo vệ IP66, IK08, có cảm biến chuyển động, LED Hàn Quốc.	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Không có thông tin		Chi nhánh CÔNG TY Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông. Địa chỉ: 12A Văn Đồn, phường Phước Hòa, Tp Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Điện thoại: 02 583 87 44 88, Người liên hệ: 090 7613 421. Công văn số 01/24/BGLS-LĐ ngày 02/01/2024 về Báo giá VLXD trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Mức giá thực hiện từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024. Giá bán áp dụng trên toàn quốc.	1,860,000
		Đèn LED chiếu pha NLMT 300W (Model: CP03.SL.RAD 300W.V2) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 35W, Quang thông đèn 2400Lm, pin lưu trữ Lithium LiFePO4 30 Ah, cấp bảo vệ IP66, IK08, có cảm biến chuyển động, LED Hàn Quốc.	bộ								2,550,000
		Đèn LED chiếu pha NLMT 50W CLC (Model: CP02.SL.RF 50W) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 40W, Quang thông đèn 1700Lm, pin lưu trữ Lithium LiFePO4 20 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								2,560,000
		Đèn LED chiếu pha NLMT 70W CLC (Model: CP02.SL.RF 70W) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 50W, Quang thông đèn 2000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFePO4 30 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								3,700,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 30W (Model: CP02.SL.RF 30W V2) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 35W, Quang thông đèn 1700Lm, pin lưu trữ Lithium LiFePO4 12.8V/24 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								4,600,000
		Đèn LED chiếu pha NLMT (50W CLC (Model: CP02.SL.RF 150W) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 65W, Quang thông đèn 3000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFePO4 65 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ			Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông			Không có thông tin		7,000,000
		Đèn năng lượng mặt trời chiếu sáng đường									
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 30W (Model: CSD01.SL.RF 30W V2) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 65W, Quang thông đèn 3200Lm, pin lưu trữ Lithium LiFePO4 50 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông			Không có thông tin		4,750,000
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 50W (Model: CSD01.SL.RF 50W V2) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 95W, Quang thông đèn 4600Lm, pin lưu trữ Lithium LiFePO4 65 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								6,600,000
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 70W (Model: CSD02.SL 70W) tấm solar Mono Crystalline rời 18V/100W, Quang thông đèn 8000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFePO4 12.8V/43 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								18,740,000
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 100W (Model: CSD02.SL 100W) tấm solar Mono Crystalline rời 18V/130W, Quang thông đèn 10.500Lm, pin lưu trữ Lithium LiFePO4 12.8V/54 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								23,020,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED chiếu sáng đường NEMT 120W (Model: CSD01.SL 120W) tấm solar Mono Crystalline rời 18V/170W, Quang thông đèn 12.000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFePO4 12,8V/54 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								26,170,000
		Đèn LED chiếu sáng đường (LED SMT-LumiLED-Philips; Tuổi thọ 50.000h, Bảo hành 5 năm, 5 cấp Dimming, IK08, IP66)		QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Không có thông tin		
		Đèn LED chiếu sáng đường 100W (Model: CSD05 100W.LD 3M) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,058,700
		Đèn LED chiếu sáng đường 120W (Model: CSD05 120W.LD) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,399,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 120W (Model: CSD05 150W.LD) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,744,000
		Đèn LED chiếu sáng đường (LED SMT-LumiLED-Philips; Tuổi thọ 50.000h, Bảo hành 5 năm, 5 cấp Dimming, IK08, IP66, có đầu kết nối thông minh)									
		Đèn LED chiếu sáng đường 80W (Model: CSD08 80W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								6,000,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 100W (Model: CSD08 100W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,000,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 120W (Model: CSD08 120W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,200,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 150W (Model: CSD08 150W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,500,000

STT	Nbóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED HIGHT BAY 300W (Model: CSD08 300W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	hộ								9,000,000
		Đèn LED HIGHT BAY (Nhà xưởng- Nhà thi đấu)									
		Đèn LED HIGHT BAY 50W (Model: HB02L 350/50W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								1,342,000
		Đèn LED HIGHT BAY 70W (Model: HB02L 350/70W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								1,406,000
		Đèn LED HIGHT BAY 100W (Model: HB02L 430/100W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								2,252,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 150W (Model: CSD08 150W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								2,582,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 200W (Model: CSD08 200W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								2,746,000
		Đèn LED HIGHT BAY 200W (Model: HB02L 500/200W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								3,328,000
		LED HIGHT BAY UFO (NHÀ XƯỞNG-KHO LẠNH...)									
		Đèn LED HIGHTBAY 100W (Model: HB03 290/100W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								1,712,000
		Đèn LED HIGHTBAY 120W (Model: HB03 350/120W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								2,562,000
		Đèn LED HIGHTBAY 150W (Model: HB03 350/150W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								2,604,000

QCVN
19:2019/BKHCN

Chi nhánh Công Ty
Cổ Phần Bóng đèn
Phích nước Rạng
Đông

không có thông tin

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Nguồn gốc	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED (Hàng) 100W (Model: HB03 390/200W) ánh sáng 3000K/5000K/6500K	bộ								3,310,000
		Đèn LED chiếu pha góc chiếu 60/90 độ (IP66, IK08) (Chiếu sáng mặt ngoài, cây cảnh, sân bóng đá mini, sân Tennis,...)									
		Đèn LED chiếu pha 100W (Model: CP07 100W). Ánh sáng 4000/5000K	bộ								3,600,000
		Đèn LED chiếu pha 150W (Model: CP07 150W). Ánh sáng 4000/5000K	bộ								4,600,000
		Đèn LED chiếu pha 200W (Model: CP07 200W) ánh sáng 4000/5000K	bộ								6,010,000
		Đèn LED chiếu pha 250W (Model: CP07 250W) ánh sáng 4000/5000K	bộ								8,000,000
5		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam									
		Đèn LED chiếu sáng đường phố									
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 30W đến 39W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								6,500,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 40W đến 49W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								6,875,000
				TCVN 7722-1:2017 IEC 60598-1:2014		Công ty Cổ phần				Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh	Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 50W đến 59W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722 - 1 - 3: 2019/ IEC 60598-2-3:2011		2019 Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn hàng giao tại Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Đơn giá bán chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 3 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Bảo giá số 24/CV-SLI ngày 01/4/2024.	7,500,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 60W đến 69W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								8,250,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 70W đến 79W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								9,000,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 80W đến 89W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								10,750,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 90W đến 99W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W	Bộ								11,125,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 100W đến 109W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 -10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722 -1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 - 2 - 3: 2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn giá giao tại các địa bán thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Đơn giá bán chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 3 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Bảo giá số 14/CV-SLI ngày 01/3/2024.	11,625,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 110W đến 119W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								12,000,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Chú chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 120W đến 129W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722 - 1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 - 2 - 3: 2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896. Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tu điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Báo giá số 14/CV-SLI ngày 01/3/2024.	12,325,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 130W đến 139W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								12,500,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 140W đến 149W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								13,250,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 150W đến 159W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								13,500,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 160W đến 169W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								13,750,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 170W đến 179W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								15,750,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 180W đến 189W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								16,500,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED TEMBIN Modul TM12 Slighting SL7 190W đến 200W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								17.150.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 250W. Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								18.500.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 290W. Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								20.500.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 300W (Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								23.360.000
		Đèn LED SL22 (30w - 45w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								7.000.000
		Đèn LED SL22 (50w - 80w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								9.000.000
		Đèn LED SL22 (85w - 100w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								11.400.000
		Đèn LED SL22 (105w - 130w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								12.200.000

TCVN 7721-1:2017
/IEC 60598-1:2014
và TCVN 7722-2-
3: 2019/ IEC 60598-2-
3:2011

Công ty Cổ phần
Slighting Việt Nam

Việt Nam

Đơn giá giao tại các
địa bàn thuộc tỉnh Lâm
Đông, giá chưa
bao gồm VAT 10%

Công ty Cổ phần
Slighting Việt Nam
Địa chỉ trụ sở: Số 168,
đường K2, phường Cầu
Điền, quận Nam Từ
Liên, Hà Nội. Điện
thoại: 0243.6436537,
04.3719.1896.
Đơn giá trên giao tại các
địa bàn thuộc tỉnh Lâm
Đông, giá trên chưa bao
gồm VAT 10%. Bảo
hành: đèn và các thiết bị
(đầu cuối, tu điều khiển)
bảo hành 5 năm, phần
mềm bảo hành trọn đời
được nhà sản xuất miễn
phí khi cập nhật nâng
cấp. Báo giá số 14/CV-
SLI ngày 01/3/2024.

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED SL22 (135w - 150w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ	TCVN 7722 - 1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 - 2 - 3: 2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Đơn giá giao tại các địa bán thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Đơn giá trên giao tại các địa bán thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Báo giá số 14/CV-SLI ngày 01/3/2024.		13,100,000
		Đèn LED SL22 (155w - 180w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								13,800,000
		Đèn LED SL22 (185w - 200w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								16,200,000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (50w-90w)	Bộ								8,220,000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (95w-135w)	Bộ								9,298,000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (140w-180w)	Bộ								10,586,300
		Đèn pha LED SLI-FL9 (185-230w)	Bộ								15,250,000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (235w- 280w)	Bộ								17,950,000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (285w-360w)	Bộ								18,972,500
		Đèn pha LED SLI-FL9 (365w-400w)	Bộ								27,150,000
		Đèn pha EED SLI-FL9 (405w-450w)	Bộ								30,500,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn pha LED SLI-F1.9 (455w-520w)	Bộ								33,500,000
		Thiết bị đầu cuối thông tin di động truyền/nhận tín hiệu điều khiển SL1412: Nối trực tiếp với bộ nguồn Led (Driver) và gắn trên từng bộ đèn đường LED và đèn pha LED	BỘ	ISO 9001:2015 QCVN 12:2015/BTTTT QCVN 15:2015/BTTTT QCVN 117:2018/BTTTT							2,800,000
		Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh có gắn kết hệ kết nối trung tâm thu phát tín hiệu điều khiển (Gateway) sử dụng 01 Sim điện thoại 4G và 01 anten đi kèm. Bộ kết nối trung tâm (Gateway) được kết nối trực tiếp với mạng Internet để chuyển tín hiệu điều khiển về máy chủ, phần mềm và trung tâm điều khiển và quản lý chiếu sáng công cộng thông minh	Tủ	ISO 9001:2015 QCVN 73:2013/BTTTT		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam			Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896. Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Bảo giá số 14/CV-SLI ngày 01/3/2024.	90,000,000
		Trụ bát giác, tròn còn liền cần đơn vươn 1,5m, mạ kẽm nhúng nóng									
		Trụ bát giác, tròn còn liền cần đơn, H=6m tôn dày 3mm	Cột								5,220,000
		Trụ bát giác, tròn còn liền cần đơn, H=7m tôn dày 3mm	Cột								5,920,000
		Trụ bát giác, tròn còn liền cần đơn, H=8m tôn dày 3mm	Cột								6,310,000
		Trụ bát giác, tròn còn liền cần đơn, H=9m tôn dày 3,5mm	Cột								8,600,000
		Trụ bát giác, tròn còn liền cần đơn, H=10m tôn dày 4mm	Cột								9,400,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Trụ bát giác, tròn còn lại cân đơn, H=11m tôn dày 4mm	Cột								11,700,000
		Trụ bát giác, tròn còn lại D78 mạ kẽm nhúng nóng									
		Trụ bát giác, tròn còn lại D78-3mm	Cột								5,800,000
		Trụ bát giác, tròn còn lại D78-3mm	Cột	TCVN ISO 9001: 2015/ISO9001:2015		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam			Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	6,250,000
		Trụ bát giác, tròn còn lại D78-3mm	Cột								6,810,000
		Trụ bát giác, tròn còn lại D78-4mm	Cột								8,820,000
		Trụ bát giác, tròn còn lại D78-4mm	Cột								9,830,000
		Trụ bát giác, tròn còn lại D78-4mm	Cột								12,830,000
		Cần đèn CD-01 cao 2m, vòm 1,5m dây 3mm	Cần								1,890,000
		Cần đèn CD-02; CD06; CD-10; CD-21; CD-27; CD-32 cao 2m, vòm 1,5m	Cần								1,785,000
		Cần đèn cánh bướm CD15	Cần								4,050,000
		Cần đèn CK-01 cao 2m, vòm 1,5m	Cần								2,390,000

Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam
Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896.
Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (dầu cuối, tá điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Bảo giá số 14/CV-SLI ngày 01/3/2024.

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Giá chi	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cửa nhôm CK-01; CK-02; CK-10; CK-21; CK-27; CK-32 cao 2m, vòm 1,5m	Cán								2.150,000
		Cửa cánh bướm CK15	Cán								4,520,000
		Cọc tiếp địa									1,020,000
		Cọc tiếp địa V63x63x6x2500	Cái								
		Phụ kiện cột thép									670,000
		KM cột M16x340x340x500	Bộ								650,000
		KM cột M16x260x260x500	Bộ								630,000
		KM cột M16x240x240x500	Bộ								930,000
		KM cột M24x300x300x675	Bộ								970,000
		KM cột M24x300x300x750	Bộ								
6		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái									
		1. Cáp đồng đơn bọc cách điện PVC - CV (0,6/1kV)									4,100
		Dây điện VCmd 2x0.5mm ² 0.6/1kV	mét							Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái. Địa chỉ: Khu công nghiệp	5,780
		Dây điện VCmd 2x0.75mm ² 0.6/1kV	mét								7,420
		Dây điện VCmd 2x1mm ² 0.6/1kV	mét								

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Dây điện VCind 2x1.5mm ² 0.6/1kV	mét	TCVN 5935		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình, nơi trung tâm các huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đối với các đơn hàng tối thiểu 20.000.000 VND	Biên Hòa 1 - Đường số 1 - Phường An Bình Thành phố Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 0251.3836204. Kèm theo công văn số 01/2024/CV-VT ngày 02/01/2024 của Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Thái đến khi có thông báo mới.	10.560
		Dây điện VCind 2x2.5mm ² 0.6/1kV	mét								17.130
		Dây điện VCmo 2x0.75mm ² 300/500V	mét								6.800
		Dây điện VCmo 2x1mm ² 300/500V	mét								8.510
		Dây điện VCmo 2x1.5mm ² 300/500V	mét								12.000
		Dây điện VCmo 2x2.5mm ² 300/500V	mét								19.320
		Dây điện VCmo 2x4mm ² 300/500V	mét								29.210
		Dây điện VCmo 2x6mm ² 300/500V	mét								43.660
		Dây điện VCmt 2x0.75mm ² 300/500V	mét								7.620
		Dây điện VCmt 2x1mm ² 300/500V	mét								9.410
		Dây điện VCmt 2x1.5mm ² 300/500V	mét	TCVN 5935		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình, nơi trung tâm các huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đối với các đơn hàng tối thiểu 20.000.000 VND	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái. Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1 - Đường số 1 - Phường An Bình Thành phố Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 0251.3836204. Kèm theo công văn số 01/2024/CV-VT ngày 02/01/2024 của Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Thái đến khi có thông báo mới.	13.240
		Dây điện VCmt 2x2.5mm ² 300/500V	mét								21.090
		Dây điện VCmt 2x4mm ² 300/500V	mét								31.480
		Dây điện VCmt 2x6mm ² 300/500V	mét								46.630
		Dây điện VCmt 3x0.75mm ² 300/500V	mét								10.300
		Dây điện VCmt 3x1mm ² 300/500V	mét								12.790
		Dây điện VCmt 3x1.5mm ² 300/500V	mét								18.610
		Dây điện VCmt 3x2.5mm ² 300/500V	mét								29.400
		Dây điện VCmt 3x4mm ² 300/500V	mét								44.060
		Dây điện VCmt 3x6mm ² 300/500V	mét								66.830
		Dây điện VCmt 4x0.75mm ² 300/500V	mét								13.210
		Dây điện VCmt 4x1mm ² 300/500V	mét								16.720
		Dây điện VCmt 4x1.5mm ² 300/500V	mét								24.160
		Dây điện VCmt 4x2.5mm ² 300/500V	mét								38.020
		Dây điện VCmt 4x4mm ² 300/500V	mét								57.620
		Dây điện VCmt 4x6mm ² 300/500V	mét								86.920
		Cáp CV 1.5mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét								5.490
		Cáp CV 2.5mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét								8.960
		Cáp CV 4mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét								13.560
		Cáp CV 6mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét								19.900
		Cáp CV 10mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét								32.930
		Cáp CV 16mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét								52.030

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
											51,500
		Cáp CV 25mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét								112,840
		Cáp CV 35mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét								154,390
		Cáp CV 50mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét								220,290
		Cáp CV 70mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét								304,650
		Cáp CV 95mm ² 0.6/1kV AS/NZS	mét								
7		Sản phẩm của Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc									
		ĐÈN ĐIỆN CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG PHỐ									
		Đèn Led đường phố P1-120W, DIM	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN TCVN 7722-1-2017 và TCVN 7722-2-3-2019							5,213,000
		Đèn Led đường phố P1-150W, DIM	Cái								5,954,000
		KHUNG MÓNG CỘT									
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái		KT: (240x240x500)mm						546,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái		KT: (240x240x750)mm						666,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái		KT: (240x240x1000)mm						786,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái		KT: (260x260x500)mm						591,500

TCCS

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái	01:2018/CSMB	KT: (340x340x500)mm					mục liên kế như báo giá tháng 02/2024 cho đến khi có bảng niêm yết giá mới	624,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24	Cái		KT: (300x300x675)mm						610,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24	Cái		KT: (300x300x1000)mm						710,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24	Cái		KT: (300x300x1250)mm						850,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24	Cái	TCCS 01:2018/CSMB	KT: (300x300x1500)mm					Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện bán bán)	990,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 8 Bulông M24	Cái		KT: Ø400mm, cao 1200mm (Lắp cho cột cao 13-16m)						3,612,700
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 8 Bulông M24,	Cái		KT: Ø450mm, cao 1350mm (Lắp cho cột cao 17-18m không nâng hạ)						4,513,600
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 18 Bulông M30,	Cái		KT: Ø800mm, cao 1750mm (2 tầng địa định vị, lắp cho cột nâng hạ 17-25m)						17,945,200
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 20 Bulông M30, 01:2018/CSMB)	Cái		KT: Ø900mm, cao 1750mm (2 tầng địa định vị, lắp cho cột nâng hạ 30-35m)						23,387,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng) ^c
		CỘT ĐEN SÀN, VƯỜN TRANG TRÍ								4000/2024 của UBND ngày 05/3/2024 của Công ty thực hiện kê như báo giá tháng 02/2024 cho đến khi có bảng niêm yết giá mới	
		Đế D1007 gang cho cột thép	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							8.667,300
		Cột DP01 đế gang cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	Cái								5,805,800
		Đế gang DC06 cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m + Chùm CH07 (4+1) tay	Cái								5,467,000
		Cột DC01 đế gang cho cột thép	Cái								10,778,600
		Đế cột BANTAN gang cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m + Chùm CH11 (4+1) tay	Cái								5,460,000
		Đế cột NOUVO đế gang cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m + Chùm đèn CH12	Cái								5,532,800
		CÀN ĐÈN LÁP VÀO THÂN CỘT THÉP - D78								Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc, Địa chỉ công ty: Số 30 Khu C, khu đầu giá QSDĐ, tổ dân phố Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Địa chỉ nhà máy 1: KCN Quang Minh - Thị trấn Chi Đông - H. Mê Linh - TP. Hà Nội. Công văn	
		Cản đơn MB01-D, MB02-D, MB05-D, MB06-D, MB07-D, MB08-D, MB09-D	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							1,619,800
		Cản kép MB01-K, MB02-K, MB05-K, MB06-K, MB07-K, MB08-K, MB09-K	Cái								2,233,000
		Cản đơn MB03-D, MB04-D, MB10-D, MB11-D, MB12-D	Cái								1,345,400
		Cản kép MB03-K, MB04-K, MB10-K, MB11-K, MB12-K	Cái								1,876,000
		CỘT THÉP CHIẾU SÁNG - LIÊN CẢN ĐƠN									
		Cột bát giác, tròn cột, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cột liên căn cao 6m bích 300x300	Cái			Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện		2,310,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 7m, bích 300x300	Cái	TCCS 01:2018/CSMB					Bên Bùn)	hào giá cả 240305LD/CV-MB ngày 05/3/2024 của Công ty thực hiện kể như báo giá tháng 02/2024 cho đến khi có bảng niêm yết giá mới	2,730,000
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 8m, bích 300x300	Cái								3,500,000
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 9m, bích 300x300	Cái								4,055,800
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 10m, bích 400x400	Cái								4,566,800
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 11m, bích 400x400	Cái								4,659,200
		THÂN CỘT THÉP CHIỀU SÁNG - D78									
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 4m, bích 300x300	Cái	TCCS 01:2018/CSMB						Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa	2,170,000
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 5m, bích 300x300	Cái								2,380,000
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 6m, bích 400x400	Cái								3,175,200
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 7m, bích 400x400	Cái								4,264,400
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 8m, bích 400x400	Cái								4,960,200
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 9m, bích 400x400	Cái			Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng	Việt Nam			6,427,400	

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Giá chào	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
						Miền Bắc			Hàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện ben bán)	Chi Đồng - H. Mỹ Linh - TP. Hà Nội, Công văn báo giá số 2403051.D/CV-MB ngày 02.3.2024 của Công ty thực hiện kế nhu báo giá tháng 02/2024 cho đến khi có hàng niêm yết giá mới	6,514,200
		Cột bát giác, tròn cùn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bát giác, tròn cùn thân cột cao 10m, bích 400x400	Cột								
		CỘT GIÀN ĐÈN NẮNG HẠ (Mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123, thép SS400, năng hạ tự động giàn đèn, kèm trần sắt thép độ dày D16)									136,360,000
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, lòng dày 4mm mạ kẽm, năng hạ 17m (có bộ điện năng hạ, lòng bát 8-12 đèn)	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							153,160,000
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, lòng dày 4mm mạ kẽm, năng hạ 20m (có bộ điện năng hạ, lòng bát 8-12 đèn)	Cái								167,160,000
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, lòng dày 4mm mạ kẽm, năng hạ 25m (có bộ điện năng hạ, lòng bát 8-12 đèn)	Cái								187,600,000
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, lòng dày 4mm mạ kẽm, năng hạ 30m (có bộ điện năng hạ, lòng bát 8-12 đèn)	Cái								221,200,000
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, lòng dày 4mm mạ kẽm, năng hạ 35m (có bộ điện năng hạ, lòng bát 8-12 đèn)	Cái								23,100,000
		CỘT ĐÈN PHA SÂN GOLF									25,928,000
		Cột đa giác, tròn cùn thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cùn cao 14m, bát 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							32,942,000
		Cột đa giác, tròn cùn thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cùn cao 15m, bát 2-8 đèn pha	Cái								34,329,400
		Cột đa giác, tròn cùn thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cùn cao 16m, bát 2-8 đèn pha	Cái								
		Cột đa giác, tròn cùn thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cùn cao 17m, bát 2-8 đèn pha	Cái								
										Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc, Địa chỉ công ty: Số 39 Khu C, khu đầu giá QSDĐ, tổ dân phố Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, huyện Móng Tới 1 năm	

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Nắp hồ ga, song chắn rác bằng vật liệu Composite, Gang									
		Song chắn rác Composite, Gang 860x430 + Khung 960x530 tải trọng 12,5 tấn	Cái	BS EN 124-S:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện bên bán)	Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Địa chỉ nhà máy: KCN Quang Minh - Thị trấn Chu Đông - H. Mê Linh - TP. Hà Nội. Công văn bảo giá số 240305LĐ/CV-MB ngày 05/3/2024 của Công ty thực hiện kể như báo giá tháng 02/2024 cho đến khi có bảng niêm yết giá mới	4,000,000
		Song chắn rác Composite, Gang 860x430 + Khung 960x530 tải trọng 25 tấn	Cái								6,500,000
		Song chắn rác Composite, Gang 860x430 tải trọng 25 tấn	Cái								4,100,000
		Song chắn rác Composite, Gang 860x430 tải trọng 40 tấn	Cái								4,900,000
		Song chắn rác Composite, Gang 960x530 tải trọng 12,5 tấn	Cái								3,360,000
		Nắp hồ ga Composite, Gang 850x850 tải trọng 12,5 tấn	Cái								4,200,000
		Nắp hồ ga Composite, Gang 850x850 tải trọng 25 tấn	Cái								6,460,000
		Nắp hồ ga Composite, Gang 850x850 tải trọng 40 tấn	Cái								7,960,000
		Nắp hồ ga Composite, Gang 900x900 tải trọng 12,5 tấn	Cái								5,400,000
		Nắp hồ ga Composite, Gang 900x900 tải trọng 25 tấn	Cái								7,500,000
		Nắp hồ ga Composite, Gang 900x900 tải trọng 40 tấn	Cái	BS EN 124-S:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện bên bán)		8,500,000
8		Sản phẩm của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt									
		Đèn đường Led chiếu sáng công cộng các loại									
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 30-35W	Bộ		- Độ kín cụm quang học IP66,						4,150,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 35-40W	Bộ		- Độ kín cụm linh kiện IP66,						5,250,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 41-50W	Bộ	TCVN7722-2-3:2007	- Hiệu suất phát quang >140lm/W - Nhiệt độ bề mặt vỏ đèn <55 độ C - Bộ đèn chịu được xung áp 20Kv - Chỉ số hoàn màu Ra>71 - Nhiệt độ màu (3000K-4000K), Hệ số duy trì quang thông >0,7 - Bộ đèn lắp công cho NEMA, sorting cấp kết nối thông minh - Dimming 5 cấp công suất, Có công DALI hoặc 1-10V - Bảo hành 5 năm trọn bộ đèn, Chip Led xuất xứ Nhật Bản	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt	Việt Nam	- Phương thức thanh toán: thỏa thuận sau. - Bảo giá trên thời hạn 12 tháng - Thời gian giao hàng: tùy theo SL - Địa điểm giao hàng: tại tỉnh Lâm Đồng	Giao hàng tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt. Địa chỉ: 154/8/6 Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh. Địa chỉ kho xưởng: 26/2 Chánh Hưng, ấp 4, xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh. điện thoại: 0918 99 44 10-0944 99 44 10. Kèm theo Bảng báo giá Tháng 01/2024 của Công ty. Bảng báo giá có thời hạn 12 tháng.	6,450,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 51-60W	Bộ								7,950,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 61-75W	Bộ								8,950,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 76-90W	Bộ								9,250,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 91-100W	Bộ								9,650,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 101-115W	Bộ								10,250,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 116-120W	Bộ								10,850,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 125-130W	Bộ								11,450,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 131-135W	Bộ								11,950,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 136-150W	Bộ								12,450,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 151-160W	Bộ	TCVN7722-2-3:2007		Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt	Việt Nam	- Phương thức thanh toán: thỏa thuận sau. - Bảo giá trên thời hạn 12 tháng - Thời gian giao hàng: tùy theo SL cụ thể - Địa điểm giao hàng: tại tỉnh Lâm Đồng	Giao hàng tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng		12,950,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 161-165W	Bộ								13,450,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 165-175W	Bộ								14,450,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 176-185W	Bộ								16,850,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 186-200W	Bộ								17,850,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn pha Led chiếu sáng công cộng các loại									
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 50W	Bộ	TCVN7722-2-3:2007	- Độ va đập IK08-IK09. - Hiệu suất phát quang 140Lm/W - Độ kín IP66, Dimming 5 cấp công suất - Hiệu suất phát quang 140Lm/W - Chỉ số hoàn màu Ra>71 - Nhiệt độ màu (3000k-6500k), Hệ số công suất >0,98 - BH 5 năm trọn bộ đèn. Chip Led xuất xứ Nhật Bản	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt	Việt Nam	- Phương thức thanh toán: theo khoản sau. - Bảo giá trên thời hạn 12 tháng. - Thời gian giao hàng: theo SL cụ thể - Địa điểm giao hàng: tại tỉnh Lâm Đồng			4,950,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 100W	Bộ								7,950,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 150W	Bộ								10,950,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 200W	Bộ								14,450,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 220W	Bộ								12,450,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 250W	Bộ								14,550,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 300W	Bộ								16,850,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 350W	Bộ								18,450,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 400W	Bộ	TCVN7722-2-3:2007							20,450,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 450W	Bộ								26,550,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 500W	Bộ								32,550,000
		Đèn Led năng lượng mặt trời									

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn NLMT hiệu Quang Việt công suất 30W	Bộ	TCVN 7722-2-3:2007	Thân đèn tích hợp tấm solar	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt	Việt Nam	- Hàng hóa được thanh toán thỏa thuận sau. - Thời gian bảo hành: hạn 12 tháng - Thời gian giao hàng: tùy theo số lượng - Địa điểm giao hàng: tại tỉnh Lâm Đồng	Giao hàng tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng		9,850,000
		Đèn NLMT hiệu Quang Việt công suất 60W	Bộ		- Pin Lithium						13,450,000
		Đèn NLMT hiệu Quang Việt công suất 80W	Bộ		- Bộ điều khiển 4 cấp công suất						17,850,000
		Đèn NLMT hiệu Quang Việt công suất 100W	Bộ		- Thời gian hoạt động 10h/ ngày						19,850,000
		Đèn NLMT hiệu Quang Việt công suất 120W	Bộ		- Pin dự trữ 1 ngày không nắng						23,450,000
		Sản phẩm của Công ty TNHH Thiết bị Điện Duy Linh									
		Quạt thông gió GEB15B2	Cái	QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty TNHH Thiết bị Điện Duy Linh	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Thiết bị Điện Duy Linh, Địa chỉ: Số 4/182 ngõ 34 Phố Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Điện thoại: 0916 991 083. Kèm theo công văn số 0612/CV-DL ngày 06/12/2023 của Công ty Thiết bị Điện Duy Linh đến khi có thông báo mới.	400,000
		Tủ điện nhựa mặt phẳng SPL2/4	Cái								168,000
		Aptomat 1 cực 10A	Cái								84,000
		Mặt 1 lỗ Luxury trắng - GK801	Cái								61,000
		Ổ điện 3 chấu 10A (màu trắng) K12B/1-98	Cái								35,000
	VẬT LIỆU CỦA										
		Sản phẩm của Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp									

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng bộ của Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp, kính an toàn hai lớp dày 6,38mm, 8,38mm.		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam				
		-Vách kính, cửa đi, cửa sổ hệ Việt Pháp 4400									
		Vách kính hệ Việt Pháp 4400, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao 1,3mm	M2	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam			Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	1,600,000
		Cửa đi 1 cánh hệ Việt Pháp 4400, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao và khung cánh 1,3+1,4 mm.	M2								1,900,000
		Cửa sổ mở quay, mở hất hệ Việt Pháp 4400, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao và khung cánh 1,3+1,4 mm.	M2								1,800,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 1 cánh hệ Việt Pháp 4400 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay gạt)	Bộ								460,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở quay, mở hất 1 cánh hệ Việt Pháp 4400 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay gạt)	Bộ								360,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở quay, mở hất 2 cánh hệ Việt Pháp 4400 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay gạt)	Bộ								700,000
		- Cửa đi hệ Việt Pháp 450									
		Cửa đi hệ 450 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm khung cánh 1,3+1,8mm.	M2								2,060,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Pháp 450 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi 1 cánh (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay gạt)	Bộ	Thanh nhóm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Công ty thành viên của Tập đoàn Nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1: Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vùn và nhỏ Từ 1 đến, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hòa, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/ 01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	920,000
		Bộ phụ kiện cửa đi, cửa sổ mở lùa 2 cánh đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi 2 cánh (gồm: Bánh xe, chốt khóa, vấu)	Bộ								1,150,000
		Bộ phụ kiện cửa đi, cửa sổ mở lùa 4 cánh đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm: Bánh xe, chốt khóa, vấu)	Bộ								1,850,000
		-Cửa sổ, cửa đi hệ Việt Pháp 2600									1,850,000
		Cửa đi lùa hệ Việt Pháp 2600, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung hơn và khung cánh 1.3-1.4 mm.	M2	Thanh nhóm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD							250,000
		Cửa sổ lùa hệ Việt Pháp 2600, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm khung cánh 1.3-1.4 mm.	M2								400,000
		Bộ phụ kiện cửa đi, cửa sổ mở lùa 2 cánh đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi 2 cánh (gồm: Bánh xe, chốt khóa, vấu)	Bộ								2,350,000
		Bộ phụ kiện cửa đi, cửa sổ mở lùa 4 cánh đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm: Bánh xe, chốt khóa, vấu)	Bộ								
		-Vách kính mặt dựng hệ Việt Pháp 1100		Thanh nhóm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD							
		Hệ mặt dựng 1100 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung nhôm 2mm.	M2								
		Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất. Phụ kiện đồng bộ tính riêng theo từng loại cửa tương ứng.									
		-Vách kính cố định, cửa sổ, cửa đi hệ Xingfa 55									

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Vách kính cố định hệ 55 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4 mm.	M2	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		1,660,000
		Cửa đi hệ Xingfa 55, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 2.0mm	M2								2,300,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 1 cánh (gồm: 3 bản lề, tay nắm và khóa đa điểm).	Bộ								1,300,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 2 cánh (gồm: 6 bản lề, tay nắm và khóa đa điểm).	Bộ								2,100,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 4 cánh (gồm: 12 bản lề, tay nắm, chốt cửa và khóa đa điểm).	Bộ								5,000,000
		Cửa sổ mở quay, mở hất, mở trượt hệ Xingfa 55, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1.4mm	M2	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		1,950,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 1 cánh (gồm: bản lề chữ A, khóa tay nắm đa điểm, thanh chắn).	Bộ								390,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 2 cánh (gồm: bản lề chữ A, khóa tay nắm đa điểm, thanh chắn).	Bộ								730,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 4 cánh (gồm: bản lề chữ A, khóa tay nắm đa điểm, thanh chắn).	Bộ								1,350,000
		-Vách kính cố định, cửa sổ, cửa đi hệ Xingfa 93									
		Vách kính cố định hệ 93 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, nhôm dày 2mm.	M2			Việt Nam					2,000,000
		Cửa sổ hệ Xingfa 93, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, nhôm dày 2mm.	M2								2,000,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở trượt 2 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm)	Bộ	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp			Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		1,900,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở trượt 4 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm)	Bộ								1,900,000
		Cửa đi lùa hệ Xingfa 93, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, nhôm dày 2mm.	M2								2,000,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở trượt lùa 3 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm).	Bộ								1,900,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở trượt lùa 4 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm).	Bộ								1,900,000
		Vách kính mặt dựng thông tầng hệ Xingfa 65 (Bao gồm cả phụ kiện cửa sổ nếu có).		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		2,800,000
		Hệ mặt dựng Xingfa 65, kính an toàn 2 lớp 8,38 mm trắng trong. Độ dày thanh nhôm chịu lực: 2,5mm	M2								
		Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vật cạnh - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRNALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng, kính an toàn hai lớp dày 6,38mm, 8,38mm									
		Cửa đi hệ 55 vật cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1,0 mm)	M2								1,950,000
		Cửa sổ mở hất, mở quay hệ 55 vật cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1,0mm	M2								1,900,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cửa sổ, cửa đi mở hùa hệ 33 vật liệu, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung nhôm và khung cánh dày 1.0mm	M2	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam				1,850,000
		Vách nhôm sổ trượt hệ 33 vật liệu, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước vách 2000 x 1600mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	M2								1,680,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hùa, mở quay 1 cánh (gồm: tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ								390,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hùa, mở quay 2 cánh (gồm: tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ								730,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 1 cánh (gồm: Tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ								800,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 2 cánh (gồm: Tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam				1,300,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ, cửa đi mở lùa 2 cánh (gồm: Bánh xe, chốt sập, đệm chống nhúc)	Bộ								400,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ, cửa đi mở hùa 4 cánh (gồm: Bánh xe, chốt sập, đệm chống nhúc)	Bộ								700,000
		Cửa thủy lực khung nhôm - Thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp sản xuất, Độ dày thanh nhôm dày từ 1.6 ÷ 2.2mm, phụ kiện đồng bộ, kính an toàn hai lớp dày 6,38mm, 8,38mm.								Đơn giá tại công	
										Đơn giá tại công	

Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1 N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1: Lô A2-CN7, Đường CN8, Cụm Công nghiệp vòm và nhà Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Thới Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cửa nhôm sơn tĩnh điện Việt Pháp (bàn nhôm 120mm) kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1100 x 2600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1,6÷2,2 mm)	M2	Tiêu chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Đơn giá (đồng) kể từ năm hết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	2,900,000
		Bộ phụ kiện cửa 1 cánh (gồm: Bản lề sàn, khóa sàn, khóa tay nắm cửa).	Bộ								4,500,000
		Bộ phụ kiện cửa 2 cánh (gồm: Bản lề sàn, khóa sàn, khóa tay nắm cửa)	Bộ								8,000,000
		Cửa kính khung nhôm Hệ trượt quay - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng bộ, kính an toàn hai lớp dày 6,38mm, 8,38mm		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		
		V27: Cửa trượt quay 2 cánh Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm chịu lực 1,6÷2,5 mm.	M2								2,200,000
		Bộ phụ kiện cửa mở quay 2 cánh (gồm: Bánh xe, tay dẫn hướng, tay kéo, chốt)	Bộ								2,900,000
		Bộ phụ kiện cửa mở quay 4 cánh (gồm: Bánh xe, tay dẫn hướng, tay kéo, chốt)	Bộ								4,500,000
		Cửa cuốn sơn nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng bộ của Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp (Đơn giá chưa bao gồm Motor, Lưu điện)		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN		Công ty CP Nhôm Việt Pháp			Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		
		Cửa cuốn: F48	M2								2,130,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cửa cuốn: F45L	M2	16-2019/BXD							
		Cửa cuốn: F45I	M2								1,980,000
		Cửa cuốn: F46	M2								2,300,000
		Cửa cuốn: F46I	M2								2,485,000
		Cửa cuốn: F49-2	M2								2,880,000
		Cửa cuốn: F49-3	M2								2,670,000
											2,940,000
		Mô tơ và lưu điện dùng cho cửa cuốn thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI của Công ty Cổ phần nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp.		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		
		Mô tơ (tải trọng 300 kg)	M2								4,885,000
		Mô tơ (tải trọng 500 kg)	M2								5,545,000
		Mô tơ (tải trọng 700 kg)	M2								6,515,000
		Mô tơ (tải trọng 1000 kg)	M2								9,285,000
		Bộ lưu điện (900W)	M2								3,675,000
		Bộ lưu điện (1500W)	M2								4,775,000
2		Sản phẩm của Công ty TNHH Nhôm Nam Sang									
		TIỆ NS-55: Cửa di mô/lu 1 cánh & 2 cánh (kèm chìa đồ giữ / ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2,0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long - CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,815,000
		TIỆ NS-55: Cửa di mô/lu 1 cánh & 2 cánh (kèm chìa đồ giữ / ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1,4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long - CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,570,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		HỆ NS-55: Cửa đi mô-tua 1 cánh & 2 cánh (kèm cửa ổ khóa / ổ có định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam		Giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, Địa điểm lắp đặt chính và Nhà máy sản xuất: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn (GD 3+4), Ấp Bình Tiến 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Theo Công văn số 0322/2024/NS-CBG ngày 22/03/2024 về việc đề nghị báo giá sản phẩm được công bố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	2,230,000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở 1 cánh & 2 cánh (kèm ổ có định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm. Độ dày nhôm 2.0 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,815,000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mô-tua 1 cánh & 2 cánh (kèm ổ có định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,570,000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mô-tua 1 cánh & 2 cánh (kèm ổ có định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,150,000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở bất, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,700,000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở bất, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,470,000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở bất, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,180,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long - CFG dày 5 mm	đồng/m ²	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2015		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam			Công ty TNHH Nhóm NamSung. Địa điểm trụ sở chính và Nhà máy sản xuất: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn (GD 3+4), ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Theo Công văn số 0322/2024/NS-CBO ngày 22/03/2024 về việc đề nghị báo giá sản phẩm được công bố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	1,900,000
		HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long - CFG dày 5 mm	đồng/m ²								1,800,000
		HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long - CFG dày 5 mm	đồng/m ²								1,800,000
		SONG BAO VỆ, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.5 mm	đồng/m ²								1,500,000
		HỆ NS-93: Cửa đi/sổ lõi 4 cánh - khung bảo 2 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long - CFG dày 5 mm	đồng/m ²								2,750,000
		HỆ NS-93: Cửa đi/sổ lõi 4 cánh - khung bảo 2 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long - CFG dày 5 mm	đồng/m ²								2,300,000
		HỆ NS-93: Cửa đi/sổ lõi 6 cánh - khung bảo 3 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long - CFG dày 5 mm	đồng/m ²								2,900,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		HỆ NS-XL60: Cửa xếp lùa 4 cánh, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, kính cường Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m ²								3,000,000
		HỆ MẶT DỰNG NS-65: kết cấu khung 65x120, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.5 mm, phụ kiện và dây đai, kính đơn Công Nghiệp Hạ Long – CFG 10 mm	đồng/m ²								3,350,000